

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

BÙI NGỌC TUẤN

**ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG THEO PHÁP LUẬT
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

BÙI NGỌC TUẤN

**ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG THEO PHÁP LUẬT
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số:8380107

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS. TS NGÔ HUY CƯỜNG

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam kết luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi. Các tài liệu, tư liệu được sử dụng trong luận văn có trích dẫn nguồn gốc rõ ràng, trung thực.

Tác giả luận văn

Bùi Ngọc Tuấn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG	8
1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại khu công nghiệp.....	8
1.2. Đặc điểm các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp và vai trò điều chỉnh pháp luật đối với các khu công nghiệp.....	11
1.3. Lý luận về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung.....	16
1.4. Pháp luật điều chỉnh ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung.....	18
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	32
2.1. Thực trạng khu công nghiệp tập trung và doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung ở thành phố Hà Nội.....	32
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung ở Hà Nội	36
2.3. Một số vấn đề rút ra từ thực tiễn áp dụng pháp luật về ưu đãi đầu tư trong các khu công nghiệp tập trung ở Hà Nội.....	53
Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI ..	61
3.1. Yêu cầu và định hướng hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung	61
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội .	63
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội	72
KẾT LUẬN	78
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
HĐND	Hội đồng nhân dân
KT-XH	Kinh tế - xã hội
SXKD	SXKD
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Kết quả khảo sát thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các đối tượng được ưu đãi đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội	38
Bảng 2.2. Kết quả khảo sát về công tác triển khai pháp luật ưu đãi đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	41
Bảng 2.3. Kết quả khảo sát về công tác triển khai các hình thức ưu đãi đầu tư theo pháp luật ưu đãi đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội	46
Bảng 2.4. Kết quả khảo sát về thực hiện các thủ tục áp dụng pháp luật ưu đãi đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	52

DANH MỤC BIỂU

Biểu 2.1. Cơ cấu lao động tại các khu công nghiệp tập trung Hà Nội	34
---	-----------

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Qua các nghị quyết của Đảng tại các kỳ Đại hội từ năm 1986 đến nay đã hình thành hệ thống các quan điểm nhất quán của Đảng về phát triển khu công nghiệp; khẳng định vai trò của khu công nghiệp là một trong những nền tảng quan trọng để thực hiện mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Tính đến hết tháng 06/2017, cả nước có 344 khu kinh tế, khu công nghiệp được cấp giấy chứng nhận đầu tư cho dự án phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Việc thiết lập một cơ chế về ưu đãi đầu tư phù hợp, bình đẳng, hiệu quả là một nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, đòi hỏi nhà nước phải áp dụng tổng hợp và linh hoạt nhiều cơ chế khác nhau phù hợp với thực tế của quốc gia và đòi hỏi của hội nhập... Trong đó hoàn thiện các quy định pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với khu công nghiệp là yêu cầu đặc biệt quan trọng.

Hơn 12 năm thực hiện Luật Đầu tư - đạo luật từng được xem là “một bước tiến quan trọng trong tiến trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư tại Việt Nam”, Luật Đầu tư 2005 đã cho thấy khá nhiều điểm bất cập và hạn chế trong đó các quy định về ưu đãi đầu tư và dần được hoàn thiện và bổ sung trong Luật Đầu tư 2014. Yêu cầu hoàn thiện Luật đầu tư đang là một đòi hỏi thiết yếu để hoàn thiện đạo luật với vị trí là một trong những văn bản quan trọng nhất về kinh doanh và đầu tư. Thiết nghĩ, việc xem xét, đánh giá một cách có hệ thống và toàn diện về pháp luật ưu đãi đầu tư đối với khu công nghiệp không chỉ góp phần hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư nói riêng mà còn góp phần xây dựng khung pháp luật đầu tư nói chung.

Hà Nội là một trong những đầu tàu về phát triển KT-XH của cả nước. Thời gian qua, thành phố đã quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghiệp cao nhằm tạo đà phát triển và thu hút đầu tư vào

các lĩnh vực thiết yếu mà thành phố đang có ưu thế. Để thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung, Hà Nội đã chú trọng vào cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nhất là có cơ chế ưu tiên phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đạt được với những luồng vốn đầu tư lớn và hiệu quả vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thì việc thực thi các quy định về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp vẫn còn những hạn chế nhất định như hệ thống văn bản quy phạm pháp luật còn chồng chéo, tổ chức thực hiện còn mang tính chất hành chính và chậm... Thực tế trên đặt ra một yêu cầu cơ bản là làm sao để xây dựng một thể chế về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp được vận hành tốt để các chính sách đề ra phát huy hết các mặt mạnh của nó và đưa đến kết quả cuối cùng là tăng trưởng ngày càng nhanh, càng mạnh cho nền kinh tế quốc gia. Với đề tài ***“Ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hà Nội”*** tác giả phác họa bức tranh tổng thể các quy định về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung của Việt Nam hiện nay và của thành phố Hà Nội nói riêng. Trong luận văn này, tác giả cũng đề cập đến thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung tại thành phố Hà Nội từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Về ưu đãi đầu tư, từ trước đến nay đã có một số công trình nghiên cứu ở các góc độ khác nhau như: *“Pháp luật về ưu đãi đầu tư ở Việt Nam”* của tác giả Lê Thị Lệ Thu; *“Pháp luật của Việt Nam về ưu đãi đầu tư với thực tiễn ở tỉnh Quảng Ngãi”*, của tác giả Phạm Thị Thanh Ngọc; *“So sánh luật khuyến*

khích đầu tư trong nước và Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam” của Phạm Thị Hải Yến; *“Hoàn thiện pháp luật về khuyến khích đầu tư trong nước”* của Hoàng Minh Sơn; *“Hội nhập khu vực quốc tế về kinh tế và những vấn đề đặt ra với khung pháp lý về đầu tư”* của Lê Thanh Nga... Tác giả Trương Công Đắc (2016), *“Thủ tục pháp luật về đầu tư đối với doanh nghiệp tư nhân ở nước ta trong điều kiện Việt Nam trở thành nền kinh tế thị trường đầy đủ”*, Luận án đã phác họa và cung cấp cho người đọc bức tranh tổng thể tình hình nghiên cứu thủ tục pháp luật về đầu tư đối với doanh nghiệp tư nhân. Tác giả Mai Hữu Đạt (2011), *“Pháp luật về đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam”*, Luận án phân tích thực trạng hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam, thực trạng triển khai các văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư gián tiếp. Tác giả Phan Thị Thu Hương (2016), *“Đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 từ thực tiễn thành phố Hà Nội”*, Luận văn đã thực hiện nghiên cứu thực tiễn tình hình thực hiện pháp luật về thủ tục đăng ký đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội trong những năm gần đây thông qua phân tích những thành công, hạn chế của quá trình thực thi pháp luật về đăng ký đầu tư...

Có thể nói, các đề tài nghiên cứu, các công trình và bài báo khoa học nêu trên đã phân tích các khía cạnh khác nhau về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách cụ thể, bao quát và đi sâu vào đánh giá các quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp trên mọi địa bàn cụ thể là thành phố Hà Nội như hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Trên cơ sở nghiên cứu một cách có hệ thống các quy phạm pháp luật về ưu đãi đầu tư nói chung, trong đó tập trung cụ thể vào nghiên cứu chi tiết và toàn diện các quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư, các biện pháp ưu đãi

đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung, kết hợp với nghiên cứu thực tiễn triển khai các quy định này trên thực tế từ thực tiễn thành phố Hà Nội để từ đó đánh giá đúng hiệu quả và kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư của Việt Nam nói chung và pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp tại địa bàn đặc thù là các khu công nghiệp tập trung nói riêng.

Xuất phát từ mục đích đó, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài được xác định là:

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về khu công nghiệp, doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung nói riêng và vai trò của pháp luật có liên quan;

- Phân tích thực trạng pháp luật hiện hành về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung và thực tiễn áp dụng tại thành phố Hà Nội;

- Trên cơ sở phân tích những điểm hạn chế trong quy định và thực tiễn áp dụng các ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung từ thực tiễn thành phố Hà Nội từ đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Các quy định của pháp luật về các ưu đãi đầu tư áp dụng đối với các dự án đầu tư vào Khu công nghiệp tập trung bao gồm nhưng không giới hạn trong các quy định về biện pháp ưu đãi đầu tư (ưu đãi về sử dụng đất, thuế, khấu hao tài sản cố định, chuyển lỗ) và các hỗ trợ đầu tư khác, quy định về thủ tục thực hiện ưu đãi đầu tư....

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về thời gian: Từ năm 2014 đến nay (Kể từ khi Luật đầu tư sửa đổi, bổ sung ra hoàn thành).

Về không gian: Đề tài nghiên cứu thực trạng pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung trong phạm vi thành phố Hà Nội.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm của Đảng và Nhà nước về pháp luật liên quan đến ưu đãi đầu tư nói chung, pháp luật liên quan đến ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp nói riêng.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn triển khai nhiều phương pháp trong quá trình nghiên cứu: Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng ở cả 03 chương để làm sáng tỏ các vấn đề lý luận, cũng như đánh giá thực trạng và đề xuất phương hướng, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật liên quan đến ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp nói riêng. Phương pháp thống kê, so sánh được sử dụng chủ yếu ở chương 2, nhằm đánh giá đúng và đầy đủ thực trạng thực hiện pháp luật liên quan đến ưu đãi đầu tư cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp từ thực tiễn thành phố Hà Nội. Từ đó rút ra và đánh giá về những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân trong hoạt động này.

Đặc biệt, để đánh giá đúng thực tiễn thực hiện các quy định về pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội, đề tài tổ chức khảo sát, phỏng vấn bằng bảng hỏi hướng tới các đối tượng là cán bộ quản lý tại Sở Kế hoạch - Đầu tư thành phố Hà Nội, Ban quản lý Khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế thành phố, các nhà quản lý tại các doanh nghiệp đang hoạt động tại các khu

công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đề tài phát ra 100 phiếu khảo sát (Mẫu phiếu tại Phụ lục 01), thu về 86 phiếu hợp lệ, được xử lý và thống kê bằng phương pháp toán học tại Chương 2 của luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Đây là luận văn thạc sĩ luật học đầu tiên nghiên cứu một cách toàn diện về pháp luật ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp từ thực tiễn thành phố Hà Nội hiện nay. Luận văn: *“Ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hà Nội”* có những đóng góp cơ bản sau:

- Giải quyết tương đối đầy đủ và có hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về ưu đãi đầu tư và pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp;

- Chứng minh sự cần thiết của các quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với môi trường đầu tư tại các khu công nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung;

- Đánh giá đúng đắn thực trạng pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp của Việt Nam đồng thời nêu lên những kết quả đã đạt được và các bất cập tồn tại trong thực tiễn thực hiện các quy định về ưu đãi đầu tư tại các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Từ những vấn đề lý luận, yêu cầu của thực tiễn, tác giả đưa ra một kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần lời cam đoan, mở đầu, danh mục bảng, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung

Chương 2: Thực trạng pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các khu công nghiệp tập trung từ thực tiễn thành phố Hà Nội

Chương 3: Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung ở thành phố Hà Nội

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG

1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại khu công nghiệp

1.1.1. Khái niệm khu công nghiệp

Khu công nghiệp là khu vực có tính chất độc lập, tập trung nhiều doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Tuy nhiên, tùy điều kiện từng nước mà khu công nghiệp có những nội dung hoạt động kinh tế khác nhau. Do vậy, ở các nước khác nhau có những quan niệm khác nhau về khu công nghiệp và mô hình phát triển khu công nghiệp khác nhau.

Khái niệm về khu công nghiệp được quy định trong Khoản 11, Điều 3, Luật Đầu tư năm 2014 thì: “Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp.” [44].

Theo điều 2, Nghị định 82/2018/NĐ-CP quy định về khu công nghiệp, khu kinh tế cũng đưa ra khái niệm khu công nghiệp như sau: “Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định này. Khu công nghiệp gồm nhiều loại hình khác nhau, bao gồm: Khu chế xuất, khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp sinh thái (sau đây gọi chung là Khu công nghiệp, trừ trường hợp có quy định riêng đối với từng loại hình).” [10].

Với khái niệm như vậy, khu công nghiệp của Việt Nam được hiểu là khu công nghiệp tập trung, không có dân cư sinh sống nhằm giải quyết tốt hơn vấn đề hạ tầng và ô nhiễm môi trường, có phân biệt với các vùng công nghiệp (bao gồm nhiều khu công nghiệp), với các khu kinh tế (có bộ máy

quản lý hành chính độc lập). Theo quan niệm của Việt Nam, các khu chế xuất (chuyên sản xuất hàng hóa xuất khẩu và dịch vụ cho sản xuất hàng hóa xuất khẩu), khu công nghệ cao (tập trung các doanh nghiệp có công nghệ cao hoặc doanh nghiệp dịch vụ cho các doanh nghiệp có công nghệ cao) chỉ là hình thái đặc thù của khu công nghiệp. Khu công nghiệp có thể được thành lập bởi cơ quan nhà nước ở Trung ương (theo quyết định của thủ tướng Chính phủ) hoặc các khu công nghiệp, cụm công nghiệp do chính quyền địa phương (UBND tỉnh) thành lập. Trong phạm vi Luận văn này, tác giả chỉ đề cập tới vấn đề ưu đãi đầu tư của các khu công nghiệp được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

1.1.2. Đặc điểm của khu công nghiệp

Các khu công nghiệp tập trung có những đặc điểm chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, về tính chất hoạt động: khu công nghiệp tập trung là nơi tập trung các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ mà không có dân cư (gọi chung là doanh nghiệp khu công nghiệp). Khu công nghiệp tập trung được thành lập theo quy hoạch và có ranh giới riêng tách biệt với các khu vực lân cận khác.

Thứ hai, về cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Các khu công nghiệp đều xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động SXKD như đường xá; hệ thống điện, nước, điện thoại... đạt các tiêu chuẩn quy định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

Thứ ba, về tổ chức quản lý: Các khu công nghiệp thường được đặt dưới sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước chuyên biệt. Ở Việt Nam, hầu hết các khu công nghiệp đều thành lập hệ thống Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương để trực tiếp thực hiện các chức năng quản lý Nhà nước đối với hoạt động SXKD trong khu công nghiệp. Ngoài ra tham gia vào quản lý tại các khu công nghiệp còn có nhiều cơ quan

quản lý nhà nước như: Bộ kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng...

1.1.3. Phân loại khu công nghiệp

Có nhiều cách phân loại khu công nghiệp, nhưng tác giả đồng ý với các cách phân loại như sau:

(1) Phân loại khu công nghiệp theo tính chất ngành nghề: gồm 4 loại

Khu công nghiệp chuyên ngành: được hình thành từ các xí nghiệp công nghiệp cùng một ngành hoặc một số ít ngành công nghiệp khác nhau nhưng cùng sản xuất ra một số loại sản phẩm, chủ yếu hình thành từ các ngành chủ đạo như hoá chất-hoá dầu, điện tử-tin học, vật liệu xây dựng, chế tạo và lắp ráp cơ khí (gang thép Thái Nguyên, hoá chất Việt trì, lọc dầu Dung Quất).

Khu công nghiệp đa ngành: gồm nhiều xí nghiệp thuộc nhiều ngành công nghiệp khác nhau. khu công nghiệp đa ngành cho phép thoả mãn được yêu cầu về lãnh thổ cho sản xuất công nghiệp, song trong quy hoạch xây dựng cần lưu ý vấn đề môi trường nhằm hạn chế tác động ảnh hưởng xấu giữa các xí nghiệp khác nhau, tiết kiệm đầu tư hạ tầng.

Khu công nghiệp sinh thái: là mô hình mang tính cộng sinh công nghiệp. Các ngành công nghiệp được lựa chọn sao cho các nhà máy có mối liên hệ với nhau, hỗ trợ và tương tác với nhau tạo nên môi trường sạch và bền vững. Với mô hình này thì phế liệu của nhà máy này có thể làm nguyên liệu cho nhà máy kia, hoặc sản phẩm của nhà máy này sẽ là nguyên liệu, vật tư của nhà máy kia.

Khu công nghiệp hỗn hợp: là khu công nghiệp có đầy đủ các yếu tố của khu công nghiệp đa ngành, trong đó chia ra các khu chuyên ngành, khu có yêu cầu công nghệ cao, có tổ chức dịch vụ như vui chơi, giải trí, bệnh viện, trường học... đảm bảo đời sống của người lao động trong khu công nghiệp và dân nhập cư.

(2) *Phân loại theo quy mô diện tích* phân làm các loại khu công nghiệp nhỏ, trung bình, lớn và rất lớn. Theo tiêu chí này phụ thuộc quan điểm của từng nước về kích cỡ khu công nghiệp, chủ yếu để nhằm phân biệt xếp hạng khu công nghiệp.

(3) *Phân loại theo đặc điểm quản lý thì có các loại:*

Khu công nghiệp tập trung: Có thể là đa ngành, chuyên ngành, có quy mô diện tích khác nhau, được hình thành với các điều kiện khác nhau.

Khu chế xuất: Khu chế xuất là khu chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu.

Khu công nghiệp cao: Là khu tập trung các doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao và các đơn vị hoạt động phục vụ cho phát triển công nghệ cao bao gồm nghiên cứu, triển khai khoa học, công nghệ, đào tạo và các dịch vụ liên quan.

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp là tên gọi chung cho các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thực chất là khu công nghiệp tập trung nhưng có quy mô nhỏ do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập (hoặc phân cấp quyết định thành lập) theo quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn để bố trí các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống trong diện di dời khỏi nội thành, nội thị hoặc các khu dân cư tập trung, và thu hút các dự án đầu tư mới với quy mô vừa và nhỏ.

1.2. Đặc điểm các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp và vai trò điều chỉnh pháp luật đối với các khu công nghiệp

1.2.1. Đặc điểm các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung

Khu công nghiệp là khu vực tập trung các hoạt động sản xuất công nghiệp nên hình thức đầu tư của các nhà đầu tư khi đầu tư vào khu công nghiệp thường là thành lập các doanh nghiệp sản xuất. Mặt khác, khu công nghiệp là địa bàn thu hút đầu tư không chỉ trong nước mà chủ yếu là nguồn

đầu tư nước ngoài nên xét theo quan hệ sở hữu vốn doanh nghiệp có thể phân biệt các doanh nghiệp trong khu công nghiệp thành hai nhóm là các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Doanh nghiệp nước ngoài và tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài). Ở Việt Nam, các khu công nghiệp là khu vực tập trung thu hút rất nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo hình thức có thể là công ty 100% vốn nước ngoài hoặc công ty liên doanh với liên doanh Việt Nam.

Như vậy, xét về nguồn vốn thì ở các khu công nghiệp của Việt Nam đang tồn tại ba nhóm doanh nghiệp: Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài; Doanh nghiệp liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài; Doanh nghiệp trong nước. Dù khác biệt về nguồn vốn đầu tư nhưng khi đầu tư vào khu công nghiệp các doanh nghiệp này đều được quản lý theo một quy chế chung, hưởng các tiện ích và điều kiện chung. Những điều kiện này tạo ra sự khác biệt nhất định so với các doanh nghiệp ngoài địa bàn khu công nghiệp, cụ thể:

Khác biệt giữa các doanh nghiệp trong khu công nghiệp và doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp:

(1) *Về cơ cấu ngành*: Trong khu công nghiệp có cả các ngành truyền thống mà trong nước có lợi thế so sánh và cả các ngành công nghiệp mới như điện tử, công nghệ thông tin, công nghệ lắp ráp... Tuy nhiên, so với các doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp, doanh nghiệp trong các khu công nghiệp thường có phạm vi hoạt động hẹp hơn. Nguyên nhân do mỗi khu công nghiệp thường chuyên biệt về sản xuất trong một số lĩnh vực riêng được ghi nhận trong điều lệ khu công nghiệp đó. Việc quy hoạch chuyên biệt một hoặc một số điều kiện cụ thể nhằm đảm bảo sự đáp ứng thống nhất về điều kiện hạ tầng, kiểm soát, quản lý chất thải, bảo vệ môi trường và công tác quản lý...

(2) *Về điều kiện cơ sở vật chất:* Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp sử dụng chung kết cấu hạ tầng như hệ thống cung cấp điện, nước; chung hệ thống xử lý nước thải, khí thải và các loại chất thải khác; chung giá thành sử dụng cơ sở hạ tầng và các dịch vụ liên quan. Đầu ra của các doanh nghiệp còn có thể gắn bó với nhau như sản phẩm của nhà máy này còn là linh kiện phụ tùng cho sản phẩm của nhà máy kia, hoặc là nguyên liệu cho nhà máy kia... Vì vậy, các xí nghiệp này tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, hạ giá thành của sản phẩm.

(3) *Các ưu đãi từ phía Chính phủ:* Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp được hưởng quy chế riêng và ưu đãi riêng theo quy định của Chính phủ và cơ quan nhà nước tại địa phương sở tại với chính sách kinh tế đặc thù hoặc các ưu đãi nhằm thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài, tạo môi trường đầu tư thuận lợi hấp dẫn cho phép các nhà đầu tư trong và ngoài nước sử dụng những phạm vi đất đai nhất định trong khu công nghiệp để thành lập các nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở kinh tế, dịch vụ với những ưu đãi về thủ tục xin phép và thuê đất, miễn hoặc giảm thuế.

(4) *So sánh với khu chế xuất:* khu chế xuất là khu vực thu hút các dự án đầu tư sản xuất hàng hóa để xuất khẩu. Quan hệ giữa các doanh nghiệp chế xuất với thị trường nội địa là quan hệ ngoại thương cũng giống như quan hệ giữa thị trường trong nước và thị trường nước ngoài. Khu chế xuất là khu thương mại tự do, bởi vì hàng hoá từ khu chế xuất ra nước ngoài và từ nước ngoài vào khu chế xuất không phải chịu thuế xuất nhập khẩu và ít bị ràng buộc bởi hàng rào phi thuế quan. Còn quan hệ giữa các doanh nghiệp khu công nghiệp với thị trường nội địa là quan hệ nội thương (trừ doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghiệp được hưởng ưu đãi như doanh nghiệp trong khu chế xuất). Các nhà đầu tư nước ngoài thường quan tâm đến hình thức khu công nghiệp, nhằm tận dụng lợi thế về thị trường nội địa.

(5) *Về tổ chức quản lý*: Khác với các doanh nghiệp bên ngoài khu công nghiệp, hoạt động quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp thường được thực hiện bởi các cơ quan quản lý nhà nước chuyên biệt.

Như vậy, doanh nghiệp trong khu công nghiệp và doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp có những đặc điểm khác nhau xuất phát từ sự khác nhau về mục đích, đối tượng tham gia hay môi liên kết của chúng đối với nền kinh tế. Khu công nghiệp thường được nhận một sự ưu tiên nhất định từ phía chính quyền địa phương và Chính phủ với vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế vùng (địa phương).

1.2.2. Vai trò của điều chỉnh pháp luật đối với khu công nghiệp tập trung

Việc hình thành các khu công nghiệp tập trung là một đòi hỏi tất yếu không chỉ đáp ứng mục tiêu phát triển sản xuất công nghiệp nói chung mà xét về khía cạnh pháp lý, đặc biệt là quản lý nhà nước, các quy định pháp luật về khu công nghiệp còn giữ vai trò quan trọng, cụ thể:

Thứ nhất, góp phần tạo lập và duy trì khu kinh tế tập trung: Các quy định pháp luật về khu công nghiệp là cơ sở để thiết lập và phát triển một khu vực kinh tế đặc thù - tập hợp các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Trong đó, việc thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào những khu vực riêng biệt với những quy chế đặc thù, hình thức hoạt động khác biệt là một hoạt động cần thiết phục vụ mục tiêu nhất định của quốc gia sở tại như phát triển sản xuất công nghiệp, bảo vệ môi trường... Như vậy, các quy định pháp luật về khu công nghiệp góp phần thiết lập và duy trì các khu công nghiệp là khu vực được xác định không chỉ về ranh giới địa lý mà còn có một ranh giới pháp lý rõ ràng. Tại các khu công nghiệp, Nhà nước có thể áp dụng đồng bộ một cơ chế quản lý hành chính đơn giản, thuận tiện, hiệu quả phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động đặc thù của khu công nghiệp.

Thứ hai, góp phần tạo ra sự liên kết giữa các doanh nghiệp: khu công nghiệp là nơi tập trung các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và thường được xây dựng tập trung theo chiều dọc (sản phẩm của nhà máy này là nguyên liệu của nhà máy khác). Mô hình bố trí như vậy giúp các doanh nghiệp dễ dàng giải quyết đầu vào và tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Trên thực tế, nhiều khu công nghiệp là tập hợp của một chuỗi liên hoàn các doanh nghiệp sản xuất để làm ra ra một sản phẩm nhất định. Chuỗi doanh nghiệp này sẽ bao gồm một doanh nghiệp sản xuất chính và các doanh nghiệp vệ tinh (chuyên sản xuất linh kiện và các thiết bị phụ tùng cho sản phẩm chính).

Thứ ba, góp phần giải quyết các vấn đề kinh tế và xã hội: Xây dựng các khu công nghiệp đòi hỏi phải giải quyết nhiều vấn đề một cách đồng bộ như: quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp, sử dụng đất đai có hiệu quả, đào tạo và tuyển dụng lao động, đảm bảo an ninh trật tự, cung cấp các dịch vụ, tổ chức đời sống văn hoá, giáo dục, tác động đô thị hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn... giải quyết tốt các mối quan hệ trên chính là tạo sự phát triển bền vững.

Thứ tư, góp phần giải quyết vấn đề về môi trường tại địa phương: Xây dựng khu công nghiệp không những thu hút đầu tư mới mà còn có điều kiện để di dời các sở sở công nghiệp xây dựng ở các vị trí không thích hợp. Đó là các nghiệp công nghiệp được xây dựng trước đây do không quy hoạch dài hạn, nên khi có nhu cầu đẩy mạnh phát triển công nghiệp thì các doanh nghiệp này không có địa bàn mở rộng quy mô hoặc các doanh nghiệp bố trí xen lẫn với khu dân cư, khu hành chính, trường học... gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường. Việc tập trung các doanh nghiệp sản xuất vào các khu công nghiệp vừa tạo điều kiện quản lý tập trung các doanh nghiệp sản xuất vừa tạo điều kiện kiểm soát được tốt hơn mức độ ô nhiễm bằng các quy định

pháp luật về vấn đề xử lý môi trường ngay từ khâu quy hoạch. Hơn nữa việc quản lý và xử lý vấn đề về môi trường ở một khu vực tập trung như khu công nghiệp sẽ tích kiệm chi phí tốt nhất do có sự liên kết xử lý ô nhiễm và sự hỗ trợ tập trung của nhà nước.

1.3. Lý luận về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung

1.3.1. Khái niệm ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung

Ở Việt Nam, hiện nay chưa có một khái niệm thống nhất và chính thức về “ưu đãi đầu tư”. Tuy nhiên căn cứ vào Luật đầu tư 2014 thì chúng ta có thể hiểu: Ưu đãi đầu tư là ưu đãi mà Nhà nước dành cho nhà đầu tư khi họ đầu tư vào lĩnh vực, địa bàn được khuyến khích nhằm tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH của đất nước.

Bản chất của ưu đãi đầu tư

Ưu đãi đầu tư phản ánh mối quan hệ lợi ích giữa nhà nước và nhà đầu tư: Trong mối quan hệ này, Nhà nước là chủ thể quyết định các biện pháp ưu đãi; nhà đầu tư là chủ thể nhận ưu đãi; khách thể của quan hệ này chính là các ưu đãi cụ thể như các khoản lợi về thuế, tiền thuê đất... Mục đích của việc cấp ưu đãi là nhà nước mong muốn chủ thể được nhận ưu đãi - các nhà đầu tư - đầu tư vào một số địa bàn và lĩnh vực nhất định theo định hướng phát triển kinh tế. Dưới một góc độ khác, chúng ta có thể hiểu, ưu đãi đầu tư là các cam kết của Nhà nước đối với nhà đầu tư: Các ưu đãi cụ thể đó có thể thay đổi theo từng thời kỳ tùy theo tình hình kinh tế - chính trị - xã hội cụ thể nhưng cam kết của Nhà nước là không thay đổi bởi nó được đảm bảo bằng một bản “hợp đồng” được ký kết giữa Nhà nước và nhà đầu tư, đó chính là các điều khoản quy định về ưu đãi tại Giấy chứng nhận đầu tư mà Nhà nước cấp cho nhà đầu tư.

1.3.2. Vai trò ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung

Ưu đãi đầu tư có vai trò quan trọng, điều này đã được chứng minh qua các số liệu về sự gia tăng nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam và ý nghĩa của nó đối với nền KT-XH, cụ thể:

(1) *Đối với nền kinh tế:* Ưu đãi đầu tư có vai trò to lớn trong việc thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài. Việc hình thành các dự án đầu tư đó không chỉ thu hút lao động mà còn kích thích các hoạt động dịch vụ phát triển và thu hút vào các hoạt động này một số lớn lao động. Việc xây dựng các doanh nghiệp sản xuất cũng thúc đẩy việc phát triển các dịch vụ hỗ trợ và giải quyết được một số lượng lao động khá lớn...

Ưu đãi thu hút đầu tư giúp tiếp nhận chuyển giao công nghệ hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến của các nước phát triển và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả: Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý là một nội dung cơ bản trong quá trình CNH, HĐH ở nước ta.

(2) *Hoàn thiện thể chế của môi trường đầu tư:* Những biện pháp mới này sẽ giúp cho nhà đầu tư thực hiện tốt hơn dự án của mình bởi nó sát với thực tế. Vì vậy, việc ban hành và triển khai các ưu đãi đầu tư cũng giúp cho Nhà nước có điều kiện cải thiện các biện pháp ưu đãi đầu tư của mình sao cho hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế.

(3) *Tạo ra sự hội nhập trong lĩnh vực pháp luật về đầu tư:* Việt Nam cũng tham gia vào các tổ chức thương mại, các diễn đàn hợp tác kinh tế xuyên quốc gia, để được sự công nhận và tồn tại trong cộng đồng ấy thì hệ thống pháp luật phải có sự tương đồng nhất định. Theo đó, các quy định về ưu đãi đầu tư cũng phải được đặt ra và hoàn thiện nhằm tạo ra một môi trường pháp lý lành mạnh cho đầu tư kinh doanh.

1.4. Pháp luật điều chỉnh ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung

1.4.1. Khái niệm pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp

Hiện nay, khái niệm về pháp luật ưu đãi chưa được nêu rõ trong các nghiên cứu cũng như trong các văn bản pháp lý một cách chính thức. Nhiều ý kiến của các học giả trong và ngoài nước thường tập trung đánh giá về các chính sách, văn bản đầu tư, ưu đãi đầu tư. Một số ít nhà nghiên cứu nhìn nhận pháp luật về ưu đãi đầu tư trên khía cạnh phân tích, đánh giá quy định cụ thể có trong Luật hoặc những dấu hiệu nhận biết về hoạt động ưu đãi và hỗ trợ đầu tư. Trên cơ sở bao quát về Luật Đầu tư 2014, khái niệm ưu đãi tác giả cho rằng: *“Pháp luật về ưu đãi là hệ thống những quy tắc xử sự phổ biến, bắt buộc chung điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh trong quá trình ghi nhận, bảo vệ, bảo đảm quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan đến hoạt động ưu đãi và bảo đảm thực hiện bằng quyền lực của nhà nước”* [32].

Từ khái niệm trên ta thấy pháp luật về ưu đãi bao gồm các đặc trưng chính sau: Là một lĩnh vực pháp luật mang tính chất liên ngành của hệ thống pháp luật quốc gia; Là hệ thống các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực gắn liền với việc ghi nhận, bảo vệ, bảo đảm quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan đến hoạt động ưu đãi cũng như trách nhiệm của nhà nước và cộng đồng trong việc đảm bảo thực thi các quyền này; Được đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước;

Có thể nói, pháp luật về ưu đãi đầu tư là hệ thống những quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực đầu tư, thương mại, việc hướng các quan hệ trong lĩnh vực đầu tư theo một trật tự có định hướng, đảm bảo đầy đủ các quyền và lợi ích cho nhà đầu tư là nội dung quan trọng của quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Nhà nước không chỉ quản lý hoạt động đầu tư bằng các nghị quyết, chủ trương, đường lối mà cần phải cụ thể hoá các nghị quyết, chủ trương ấy thành pháp luật, đảm bảo một hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư phát triển. Có làm được điều này, Nhà nước mới có thể phát huy hết quyền lực và vai trò quản lý của mình trong lĩnh vực đầu tư. Pháp luật về ưu đãi đầu tư có hợp lý và hiệu quả thì mới đảm bảo được môi trường bình đẳng mà ở đó các nhà đầu tư có thể phát huy hết năng lực của mình.

1.4.2. Vai trò của pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung

Thứ nhất, pháp luật về ưu đãi đầu tư sẽ tạo ra một môi trường đầu tư tốt: Ưu đãi đầu tư là tổng hợp của rất nhiều yếu tố, trong đó có thể kể đến các yếu tố chính như: điều kiện về tự nhiên; điều kiện về nguồn nhân lực, điều kiện mức độ phát triển KT-XH; điều kiện liên quan đến sự thông thoáng, thuận lợi của pháp luật. Như vậy, khái niệm môi trường đầu tư của một quốc gia, một khu vực đều có sự khác biệt nhau (bởi những quy định khác nhau, những đặc trưng khác nhau của từng nước, từng khu vực). Dưới con mắt của các nhà đầu tư nước ngoài, môi trường đầu tư của một nước cũng được quan tâm ở nhiều khía cạnh. Họ luôn tìm hiểu, nghiên cứu, và đánh giá về môi trường đầu tư của nước tiếp nhận đầu tư. Trên cơ sở đó để so sánh với môi trường đầu tư của các nước khác, nhằm xác định xem đây có phải là một môi trường đầu tư tốt hay không, môi trường đầu tư tốt là môi trường hội đủ các thuận lợi về chính trị, kinh tế, xã hội và pháp lý, hứa hẹn mức sinh lời cao và mức rủi ro thấp.

Thứ hai, các quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư tạo cho Nhà nước sự chủ động trong việc cơ cấu câu nền kinh tế: Theo quy định, doanh nghiệp muốn được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư phải thực hiện hoạt động đầu tư vào những lĩnh vực và những địa bàn cần khuyến khích đầu tư. Mặc khác, sẽ giúp

Nhà nước chuyển dịch được cơ cấu nền kinh tế một cách hợp lý và phát triển được các ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn luôn trong tình trạng thiếu vốn kinh doanh nhằm phát triển đồng đều đối với toàn bộ nền kinh tế nói chung, tạo đà tăng trưởng bền vững, ổn định, có khả năng đối chọi được với các biến động khách quan của nền KT-XH.

Thứ ba, tạo ra căn cứ để hoàn thiện pháp luật về đầu tư nhằm phù hợp với luật pháp quốc tế: Ưu đãi đầu tư là một trong những biện pháp khuyến khích thu hút vốn đầu tư hiệu quả nhất. Việc hoàn thiện pháp luật đầu tư là một việc làm bắt buộc của mỗi quốc gia muốn tham gia vào cuộc chơi thương mại quốc tế. Xây dựng một hệ thống pháp luật đầu tư hoàn thiện sao cho vừa đáp ứng được yêu cầu quản lý của mỗi quốc gia, vừa phù hợp với thông lệ quốc tế để các nước có thể thực hiện những hoạt động đầu tư dễ dàng mà không có sự khác biệt về pháp luật giữa các nước. Từ đó những chính sách về ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư sẽ được quan tâm hơn, làm tăng sức mạnh cạnh tranh thu hút đầu tư của Việt Nam.

1.4.3. Sự cần thiết hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các khu công nghiệp

Ở Việt Nam, khu công nghiệp hình thành và phát triển gắn liền với công cuộc đổi mới, mở cửa nền kinh tế được khởi xướng từ Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (năm 1986). Đầu thập kỷ 90 của thế kỷ thứ 20, trong bối cảnh nền kinh tế và đời sống xã hội nước ta bị tác động mạnh mẽ bởi cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, Đại hội VII đã kịp thời và sáng suốt đề ra những đường lối, chủ trương đổi mới mạnh mẽ và toàn diện nền kinh tế, tiến hành CNH, HĐH đất nước, được cụ thể hoá bằng Chiến lược ổn định và phát triển KT-XH 1991-2000. Hàng loạt các chương trình phát triển KT-XH được triển khai để thực hiện Nghị quyết của Đại hội VII, trong đó có chính

sách phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất với sự ra đời của khu chế xuất Tân Thuận tại Thành phố Hồ Chí Minh (1991) và việc ban hành Quy chế khu chế xuất (Nghị định 322/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 18/10/1991) và Quy chế khu công nghiệp (Nghị định 192/CP của Chính phủ ngày 28/12/1994).

Tiếp đó, định hướng chiến lược về quy hoạch phát triển và phân bố khu công nghiệp, được xác định cụ thể tại Nghị quyết Đại hội VIII (năm 1996):

Hình thành các khu công nghiệp tập trung (bao gồm cả khu chế xuất và khu công nghệ cao), tạo địa bàn thuận lợi cho việc xây dựng các cơ sở công nghiệp mới, phát triển mạnh công nghiệp nông thôn và ven đô thị[27].

Báo cáo chính trị tại Đại hội X (năm 2006) một lần nữa khẳng định chủ trương “Phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế, nâng cao hiệu quả các khu công nghiệp, khu chế xuất” [29], đồng thời nhấn mạnh chủ trương tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển bền vững, trong đó có phát triển bền vững khu công nghiệp

Báo cáo chính trị Đại hội Đảng XI (năm 2011) và Chiến lược phát triển KT-XH 2011-2020 đã định hướng phát triển khu công nghiệp bền vững và theo chiều sâu: “Bố trí hợp lý công nghiệp trên các vùng; phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp hiện có và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm, tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, hiệu quả cao” [30].

Như vậy, Các Nghị quyết của Đảng tại các kỳ Đại hội từ năm 1986 đến nay đã hình thành hệ thống các quan điểm nhất quán của Đảng về phát triển khu công nghiệp; khẳng định vai trò của khu công nghiệp là một trong những nền tảng quan trọng để thực hiện mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại như Nghị quyết Đại hội X và XI đã nêu rõ. Đồng thời, chủ trương của Đảng là cơ sở để Chính phủ triển khai

xây dựng quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển khu công nghiệp trong 20 năm qua và trong giai đoạn tới.

1.4.4. Quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay

Chính phủ đã ban hành những văn bản chuyên biệt để điều chỉnh hoạt động đầu tư và quản lý nhà nước về đầu tư tại các khu công nghiệp. Hiện nay, những ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung được điều chỉnh bởi Luật đầu tư năm 2014, Nghị định 118/2015/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư và được điều chỉnh tại văn bản chuyên biệt đó là Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 quy định về Khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế. Theo đó, tại Nghị định 29/2008/NĐ-CP quy định về ưu đãi đầu tư đối với khu công nghiệp, khu kinh tế thì, các dự án đầu tư vào khu công nghiệp được hưởng ưu đãi đầu tư, và trong quy định mới nhất là Nghị định 82/2018/NĐ-CP cũng có những quy định về ưu đãi đầu tư đối với khu công nghiệp, khu chế xuất.

Như vậy, với tầm quan trọng đặc biệt của mình trong chiến lược phát triển KT-XH của đất nước, khu công nghiệp đã trở thành địa bàn được Nhà nước đặc biệt quan tâm về ưu đãi đầu tư. Có thể thấy các dự án đầu tư vào khu công nghiệp đều được hưởng ưu đãi cao hơn một bậc so với các doanh nghiệp khác không cùng địa bàn đầu tư.

Tuy nhiên, là một văn bản chuyên ngành mang tính chất điều chỉnh chung, Nghị định này không quy định cụ thể về các loại ưu đãi, mức ưu đãi, thời gian hưởng ưu đãi mà chỉ quy định ngắn gọn về nguyên tắc chung áp dụng biện pháp ưu đãi. Quy định tại Điều này chỉ mang tính chất định khung,

các quy định cụ thể về ưu đãi cần phải căn cứ vào quy định tại các văn bản chuyên ngành đang có hiệu lực để đối chiếu.

Các dự án đầu tư vào khu công nghiệp hiện nay chủ yếu được điều chỉnh bởi Luật đầu tư 2005, Nghị định 108/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư cũ (Khi Luật Đầu tư năm 2014 chưa có hiệu lực trước 7/2015) và các văn bản chuyên ngành có liên quan như:

- Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp số 14/2008/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13;

- Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13;

- Nghị định 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế GTGT;

- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 và Nghị định 87/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

- Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định cụ thể về chế độ tài chính đối với đất đai như Nghị định số 45/2014/NĐ-CP về thu tiền sử dụng đất, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP về thu tiền thuê đất, mặt nước;

- Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Và các văn bản có liên quan khác.

Căn cứ pháp lý về thực hiện các nội dung ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung là: Luật đầu tư 2014 và các văn bản liên quan như: Nghị định 29/2008/NĐ-CP quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ và các quy định tại Luật Thu nhập doanh nghiệp năm 2008 và các bản sửa đổi như: Luật sửa đổi 2013, 2014; Nghị định 218/2013/NĐ-CP ban hành hướng dẫn một số điều của Luật thu nhập doanh nghiệp, Nghị định 19/2014/NĐ-CP sửa đổi một số quy định về thuế; Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, ngày 18/6/2014 về hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP; Thông tư 151/2014/TT-BTC Hướng dẫn thi hành nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế thì:

Điều kiện hưởng ưu đãi: Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn (bao gồm cả khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao) thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động SXKD trên địa bàn ưu đãi trừ các khoản thu nhập sau:

- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (trừ thu nhập từ đầu tư kinh doanh nhà ở xã hội quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 19 Thông tư này)...

- Thu nhập từ kinh doanh dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Mức thuế suất ưu đãi: nhà đầu tư hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm). Ngoài ra, chi phí đầu tư xây dựng, vận hành hoặc thuê nhà chung cư và các công trình kết cấu hạ tầng xã hội phục vụ cho công nhân làm việc tại khu công nghiệp, khu kinh tế là chi phí hợp lý được khấu trừ để tính thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp có dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

Cụ thể các quy định đối với doanh nghiệp mới đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội:

Theo đó, căn cứ theo Điều 10 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) như sau: Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP là: Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu từ ngày 01/01/2014 và phát sinh doanh thu của dự án đó sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện đầu tư mới không bao gồm các trường hợp sau: Dự án đầu tư hình thành từ việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; Dự án đầu tư hình thành từ việc chuyển đổi chủ sở hữu (bao gồm cả trường hợp thực hiện dự án đầu tư mới nhưng vẫn kế thừa tài sản, địa điểm kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp cũ để tiếp tục hoạt động SXKD; mua lại dự án đầu tư đang hoạt động).

Doanh nghiệp thành lập hoặc doanh nghiệp có dự án đầu tư từ việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất được kế thừa các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư trước khi chuyển đổi, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất trong thời gian còn lại nếu tiếp tục đáp ứng các điều kiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tại điều 6 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 20, Thông tư số 78/2014/TT-BTC quy định: Miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại Khoản 4 Điều 19

Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính và thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại Khu công nghiệp (trừ Khu công nghiệp nằm trên địa bàn có điều kiện – kinh tế xã hội thuận lợi).

Tại Khoản 2 Điều 12 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC đã nêu rõ: Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu.”

Tại Khoản 2 Điều 23 Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn, doanh nghiệp có dự án đầu tư mà tính đến hết kỳ tính thuế năm 2013 còn đang trong thời gian thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả trường hợp đang được hưởng ưu đãi hoặc chưa được hưởng ưu đãi) theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp thì tiếp tục được hưởng cho thời gian còn lại theo quy định của các văn bản đó; Trường hợp đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP về thuế thu nhập doanh nghiệp thì được lựa chọn ưu đãi thuộc diện đang được hưởng hoặc ưu đãi theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP về thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện ưu đãi đối với dự án đầu tư mới (bao gồm mức thuế suất, thời gian miễn thuế, giảm thuế) cho thời gian còn lại nếu đang thuộc diện hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư...

Tại Điều 13 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 bổ sung Khoản 2b Điều 23 Thông tư số 78/2014/TT-BTC quy định, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư vào khu công nghiệp trong giai đoạn năm 2009 – năm 2013,

tính đến kỳ tính thuế năm 2014 đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế (lĩnh vực ưu đãi hoặc địa bàn ưu đãi) theo quy định của Luật số 32/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của Luật số 32/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015.

Về ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp: Các doanh nghiệp hạ tầng hiện nay không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp do Nghị định 218/2013/NĐ-CP không quy định lĩnh vực đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp là lĩnh vực được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Điều này không tương thích với Nghị định 108/2006/NĐ-CP vì trong khi Nghị định 108/2006/NĐ-CP quy định: Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các dự án quan trọng do Thủ tướng Chính phủ quyết định - tại mục 19, Phần V, Danh mục A, phụ lục 1, Nghị định 108/2006/NĐ-CP về Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án quan trọng - thuộc Lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư thì Nghị định 218/2013/NĐ-CP đã bỏ lĩnh vực này trong danh mục lĩnh vực được ưu đãi về thuế suất. Như vậy, các nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp không được hưởng ưu đãi với lĩnh vực này nữa mà chỉ được hưởng ưu đãi khi địa bàn khu công nghiệp mà họ đầu tư thuộc danh mục địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp được quy định tại phụ lục Nghị định 218/2013/NĐ-CP. Nghị định 218/2013/NĐ-CP cũng đã khắc phục hạn chế về ưu đãi tại Điều 15, Nghị định 124/2008/NĐ-CP khi quy định áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với: “Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn...” [9]. Có nghĩa là doanh nghiệp thành lập lần đầu thì mới được hưởng ưu đãi. Quy định này không phù hợp với thực tế, vì

doanh nghiệp có thể đầu tư đa lĩnh vực, ngành nghề theo Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp. Vô hình chung, nếu cứ mỗi lần đầu tư thì mới được ưu đãi thì phần nào đang khiến các doanh nghiệp chia các dự án đầu tư của mình ra thành từng phần nhỏ hơn là đầu tư mở rộng hoặc đổi mới công nghệ, nâng cao qui mô và sức cạnh tranh của doanh nghiệp và nếu tiếp tục như vậy thì không ít doanh nghiệp của chúng ta sẽ mãi chỉ có qui mô nhỏ, không đủ tầm vóc để thâm nhập thị trường quốc tế. Điều 16 của Nghị định 218/2013/NĐ-CP đã khắc phục hạn chế này khi sửa đổi đối tượng áp dụng là: “thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư” [17].

Ưu đãi về thuế nhập khẩu

Hiện tại, không còn sự phân biệt ưu đãi thuế xuất nhập khẩu giữa các doanh nghiệp xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất khác trong khu công nghiệp hay giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước. Ưu đãi đầu tư thuế nhập khẩu được quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 15, Luật Đầu tư năm 2014.

Cụ thể hóa ở Điều 16, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 quy định: Đối với lĩnh vực khuyến khích đầu tư thì được miễn thuế nhập khẩu đối với: Nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo thiết bị, máy móc nằm trong dây chuyền công nghệ hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm với thiết bị, máy móc quy định tại điểm a khoản này; Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được...

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu nêu trên được áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế, đổi mới công nghệ. Đối với dự án thuộc địa bàn được khuyến khích đầu tư thì nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất của dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư hoặc Danh mục địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn sẽ được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn năm năm, kể từ

khi bắt đầu sản xuất. Nghị định 87/2010/NĐ-CP về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu cũng đã quy định chi tiết vấn đề này tại Điều 5.

Ưu đãi về sử dụng đất

Căn cứ vào Luật đất đai 2013 và các nghị định liên quan.

Theo Điều 110, Luật đất đai 2013 thì nhà đầu tư sẽ được miễn hoặc giảm tiền thuê đất.

- Khu công nghiệp là địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng chính sách ưu đãi áp dụng đối với địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn. Khu công nghiệp được thành lập tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách ưu đãi áp dụng đối với địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn nếu không thuộc 2 trường hợp sau:

+ Dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được áp dụng ưu đãi đối với dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn hoặc thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn;

+ Dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và dự án đầu tư sản xuất trong khu công nghiệp được áp dụng ưu đãi đối với dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn hoặc thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn;

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào khu kinh tế, kể cả dự án đầu tư mở rộng, được hưởng chính sách ưu đãi áp dụng đối với địa bàn thuộc Danh mục

địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của Nghị định này.

Luật đất đai 2013 đã quy định đối với đất SXKD phi nông nghiệp, doanh nghiệp được lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền hàng năm hoặc trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, không phân biệt trong nước hay nước ngoài. Đối với đất khu công nghiệp, tại Điều 149, Luật đất đai 2013 quy định như sau:

Nhà nước cho thuê đất đối với tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất. Đối với phần diện tích thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì người được Nhà nước cho thuê đất có quyền cho thuê lại đất với hình thức trả tiền thuê đất hàng năm; đối với phần diện tích thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thì người được Nhà nước cho thuê đất có quyền cho thuê lại đất với hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê hoặc trả tiền thuê đất hàng năm [50]. Như vậy, quy định của Luật đất đai 2013 cho phép phát triển các dự án khu công nghiệp theo hình thức cho thuê đất áp dụng đối với cả nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đây là điểm khác biệt so với Luật đất đai 2003 (theo Luật đất đai 2003, Nhà nước áp dụng cả hình thức giao đất có thu tiền sử dụng và cho thuê đất đối với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư, xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp) [43, Điều 90].

Theo đánh giá của các nhà đầu tư: Luật đất đai sửa đổi đã quy định đầy đủ hơn sự bình đẳng về sử dụng đất giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với yêu cầu hội nhập khu vực và thế giới nhằm thu hút đầu tư của các Nhà đầu tư nước ngoài.

Kết luận chương

Phát triển các khu công nghiệp tập trung là một phương thức quản lý công nghiệp tập trung, một cách thức tạo ra các tiểu vùng kinh tế động lực rất phổ biến trong xu thế hiện nay. Trong đó các khu công nghiệp được thành lập là những khu vực chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định và được thành lập theo cơ chế riêng. Đối với Việt Nam, mô hình khu công nghiệp được chính thức xây dựng từ năm 1991 trở lại đây. Việc xây dựng và phát triển khu công nghiệp là một chủ trương đúng đắn nhằm thúc đẩy quá trình CNH, HĐH đất nước. Pháp luật Việt Nam về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp quy định 3 nhóm vấn đề cơ bản: địa vị pháp lý của khu công nghiệp, nội dung các ưu đãi đầu tư và thủ tục thực hiện các ưu đãi đầu tư. Cùng với xu hướng chạy đua thu hút đầu tư của các nước trong khu vực và trên thế giới, quy định pháp luật về các vấn đề nêu trên đang dần được hoàn thiện nhằm xây dựng một hệ thống các quy định về ưu đãi đầu tư vào khu công nghiệp khoa học, dễ hiểu, minh bạch và mang tính thực thi cao. Các quy định này và thực tiễn thi hành sẽ được tác giả trình bày chi tiết hơn tại Chương II của luận văn: Thực trạng pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Thực trạng khu công nghiệp tập trung và doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung ở thành phố Hà Nội

2.1.1. *Quá trình xây dựng các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội*

Theo phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, thành phố Hà Nội sẽ có 33 khu công nghiệp, khu công nghệ cao. Hiện thành phố đã có 18 Khu công nghiệp tập trung và 01 Khu công nghệ cao được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc ghi danh vào mạng lưới quy hoạch các Khu công nghiệp cả nước tới năm 2015.

Trong đó Khu công nghệ cao Hòa Lạc do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, UBND thành phố Hà Nội (Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội) trực tiếp quản lý 18 Khu công nghiệp, bao gồm:

08 Khu công nghiệp đang hoạt động (tỷ lệ lấp đầy 95%) với tổng diện tích là 1.236 ha bao gồm: khu công nghiệp Thăng Long; Nội Bài; Nam Thăng Long; Hà Nội Đà Tư; Sài Đồng B; Thạch Thất - Quốc Oai; Phú Nghĩa và Quang Minh I) với tổng diện tích 1.233 ha đã cơ bản hoàn thành xây dựng hạ tầng, đã và đang hoạt động với diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê là 914 ha (lớn nhất là khu công nghiệp Quang Minh 1 với diện tích 407 ha và nhỏ nhất là khu công nghiệp Nam Thăng Long với diện tích 30.4 ha.

05 Khu công nghiệp đã có quyết định thành lập đang trong giai đoạn triển khai xây dựng với tổng diện tích 1.265 ha bao gồm: Khu công nghiệp phụ trợ Nam Hà Nội: 440 ha; Phụng Hiệp: 174 ha; Khu công nghiệp Kim

Hoa: 45,5 ha (phần diện tích thuộc địa bàn Hà Nội); Quang Minh 2: 266 ha; Khu công nghiệp sạch Sóc Sơn: 340ha.

05 Khu công nghiệp có trong danh mục quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp của cả nước đến năm 2020 nhưng đang trong giai đoạn lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, với tổng diện tích khoảng 1.468 ha, bao gồm: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội 200 ha; Khu công nghiệp Bắc Thường Tín: 430 ha; Khu công nghiệp Đông Anh: 300 ha; Khu công nghiệp Nam Phú Cát: 500ha; Khu công viên công nghệ thông tin Hà Nội: 38 ha.

UBND Thành phố đang giao cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội lập đề án khảo sát, phối hợp, tổng hợp kết quả quy hoạch phân vùng và quy hoạch chung xây dựng các huyện để có kết quả báo cáo Chính phủ vào đầu năm 2014. Các Khu công nghiệp tập trung của Hà Nội thu hút có 611 dự án đăng ký đầu tư còn hiệu lực, gồm 318 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký là 4961 triệu USD và 293 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký 11.891 tỷ đồng (Vốn đầu tư đăng ký bình quân cho 1 dự án FDI là 15,6 triệu USD/ 1 dự án, vốn đầu tư đăng ký bình quân cho 1 dự án trong nước là 40,5 tỷ đồng/1 dự án). Trong đó, số dự án đã đi vào hoạt động là 565, số dự án đang xây dựng là 46 dự án [20; 67].

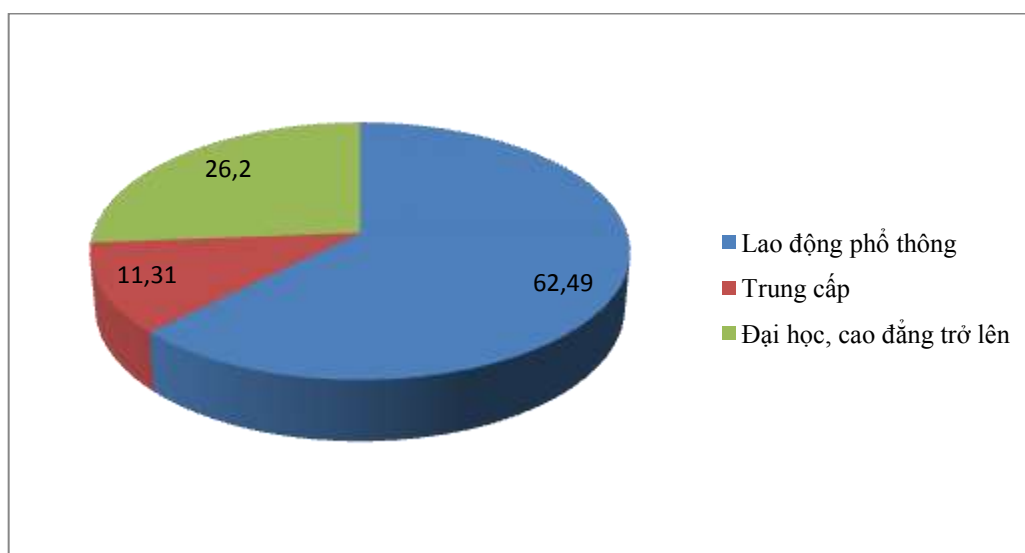
Về thu hút đầu tư, trong 2 năm 2016 và 2017, thành phố đã thu hút 329,6 nghìn tỷ đồng từ các dự án vốn ngoài ngân sách trong nước, vốn đăng ký của DN dân doanh là 445,9 nghìn tỷ đồng và vốn FDI đạt 6,55 tỷ USD. Riêng năm 2017 thu hút FDI đạt 3,4 tỷ USD. Thành phố Hà Nội đổi mới mạnh mẽ trong bố trí kế hoạch vốn đầu tư công theo nguyên tắc tập trung, trọng tâm, trọng điểm, khắc phục đầu tư dàn trải, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư. Quyết liệt thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công, điều hành linh hoạt, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các dự án triển khai đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và hiệu

quả. Kết quả năm 2017, thành phố hoàn thành đầu tư đưa vào khai thác sử dụng 81 dự án, công trình/154 công trình thực hiện cấp thành phố quản lý; dự kiến giải ngân vốn đầu tư công đạt trên 90% kế hoạch giao.

2.1.2. Đóng góp của các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.1.2.1. Đóng góp của các khu công nghiệp Hà Nội đối với vấn đề lao động - việc làm

Năm 2017, khu công nghiệp Hà Nội đã đóng góp rất lớn cho việc giải quyết việc làm, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động, trực tiếp tham gia đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Hà Nội và các địa phương lân cận. Số liệu về lao động của các khu công nghiệp Hà Nội năm 2015 mới có 141.318 lao động làm việc trong các khu công nghiệp với thu nhập bình quân trên 4,6 triệu VNĐ/tháng, trong đó có 97.509 lao động có hộ khẩu Hà Nội chiếm 69,8% tổng số lao động trong các khu công nghiệp thì sau hơn 2 năm số lao động làm việc tại các Khu công nghiệp tập trung của Hà Nội đã lên gần 20 vạn lao động với mức thu nhập trung bình là 6,2 triệu VNĐ/tháng.



Biểu 2.1. Cơ cấu lao động tại các khu công nghiệp tập trung Hà Nội

Lao động trong các khu công nghiệp đòi hỏi cường độ lao động cao, kỷ luật lao động nghiêm khắc... cùng với sự cạnh tranh gay gắt về việc làm và yêu cầu cao về trình độ là những yếu tố buộc người lao động phải có ý thức tu dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ và tay nghề để có thể đủ điều kiện được tuyển chọn vào làm việc tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp Hà Nội. Hầu hết số lao động làm việc trong các khu công nghiệp Hà Nội đều được đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong làm việc công nghiệp, tư duy làm việc hiện đại... góp phần tạo dựng một đội ngũ lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, kỹ năng chuyên môn cao, đáp ứng được yêu cầu về lao động trong nền sản xuất tiên tiến, hiện đại.

2.1.2.2. Đóng góp của các khu công nghiệp Hà Nội đối với tăng trưởng kinh tế

(1) Doanh thu của và đóng góp của khu công nghiệp đối với ngân sách nhà nước: Số doanh nghiệp hoạt động SXKD liên tục tăng nhanh từ 402 doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư và triển khai hoạt động SXKD trong các khu công nghiệp Hà Nội năm 2015 thì đến hết 31/12/2017 tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại đây là 836 doanh nghiệp. Cùng với doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ, đóng góp của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp Hà Nội vào ngân sách nhà nước ngày một tăng lên. Năm 2015 các khu công nghiệp khu công nghiệp Hà Nội đã nộp ngân sách 158,9 triệu USD. Hoạt động SXKD của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đã tạo điều kiện hình thành một loạt các doanh nghiệp vệ tinh trên địa bàn thành phố cung cấp các sản phẩm đầu vào, vật tư tiêu hao, các dịch vụ hỗ trợ... Như vậy, sự hoạt động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp không những góp phần trực tiếp mà cả gián tiếp tới sự tăng trưởng kinh tế Thủ đô, là động lực giúp kinh tế Thủ đô tiến bước vững chắc, ổn định và bền vững.

(2) Khu công nghiệp Hà Nội đối với thúc đẩy phát triển ngoại thương: Sự phát triển của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp không chỉ góp phần

cho Thủ đô tăng trưởng mang tính số lượng mà còn nâng cao cả chất lượng tăng trưởng. Hầu hết các sản phẩm từ các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp này đều có khả năng cạnh tranh không chỉ trên thị trường trong nước mà trên cả thị trường thế giới.

Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu: Năm 2015 kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp khu công nghiệp, khu chế xuất Hà Nội đạt 2,915 tỷ USD, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm 2014, đạt 100,9% so với kế hoạch đầu năm. Năm 2016, mức độ tăng trưởng là 10,24% với kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung của thành phố là 3,213 tỷ USD, con số này tăng lên thành 3,575 tỷ USD năm 2017 với tốc độ tăng là 11,25%. So với toàn thành phố Hà Nội, kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp khu công nghiệp và chế xuất chiếm 29,66% và so với giá trị xuất khẩu địa phương chiếm 42,91%. Kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp khu công nghiệp và khu chế xuất Hà Nội trong năm 2015 đạt 2,9 tỷ USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2014, chiếm 12,59% so với tổng kim ngạch nhập khẩu toàn thành phố Hà Nội và 29,55% so với kim ngạch nhập khẩu địa phương.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung ở Hà Nội

Theo quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế thì khu công nghiệp, khu kinh tế có những đặc thù trong ưu đãi đầu tư khác với các đối tượng, địa bàn khác:

- Nghị định nêu rõ, bản thân khu công nghiệp là địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng chính sách ưu đãi áp dụng đối với địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo pháp luật về đầu tư. Khu công nghiệp được thành lập tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách ưu đãi áp dụng đối với địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo pháp luật về đầu tư.

- Nhà đầu tư, doanh nghiệp có dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế được cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, xây dựng, môi trường, lao động, thương mại theo cơ chế “một cửa, tại chỗ”, hỗ trợ về tuyển dụng lao động và các vấn đề liên quan khác trong triển khai thực hiện dự án.

2.2.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư

Một trong những mục tiêu của Luật đầu tư năm 2005 và sửa đổi bổ sung trong Luật Đầu tư năm 2014 là tạo sân chơi bình đẳng cho mọi nhà đầu tư không phân biệt nguồn gốc sở hữu, không phân biệt nhà đầu tư trong nước hay nước ngoài. Có thể nói ưu đãi lớn nhất và có ý nghĩa nhất của Luật đầu tư 2014 và các văn bản hướng dẫn có liên quan dành cho các nhà đầu tư nước ngoài mà các văn bản luật trước đây chưa có được đó là sự bình đẳng ở mức cao giữa các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài. Khoản 13, Điều 3 của Luật Đầu tư năm 2014 đã quy định về nhà đầu tư: Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, gồm nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

So với các quy định của Luật Đầu tư năm 2005 thì văn bản này đã quy định rất rõ 03 tổ chức, cá nhân được thực hiện đầu tư tại Việt Nam tại khoản 14, 15 và 17: Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam; Nhà đầu tư trong nước là cá nhân có quốc tịch Việt Nam, tổ chức kinh tế không có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông; Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông.

Điều này được thể hiện tại Điều 15, 16 của Luật đầu tư năm 2014: Các nhà đầu tư có dự án thuộc lĩnh vực và địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 16 của Luật Đầu tư năm 2014 này thì được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật đầu tư và các quy định khác của pháp luật khác có liên quan. Tại Điều 16 của Nghị định 29/2008/NĐ-CP quy định về khu công nghiệp, khu

chế xuất và khu kinh tế cũng thể hiện nhất quán quy định này. Theo đó, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư là: “nhà đầu tư vào khu công nghiệp” không có sự phân biệt thành phần kinh tế, hoặc nhà đầu tư trong nước hay nước ngoài. Như vậy, quy định về đối tượng áp dụng ưu đãi theo Luật đầu tư năm 2014 và Nghị định 29/2008/NĐ-CP không chỉ rõ ràng mà còn mang tính phổ quát, giúp mọi nhà đầu tư thuộc mọi thành phần và hình thức sở hữu vốn khác nhau dễ tiếp cận và tạo ra sân chơi bình đẳng giữa các nhà ĐTNT và nhà đầu tư nước ngoài Bên cạnh đó, các quy định mới nhất về ưu đãi đầu tư vào các khu công nghiệp được quy định tại Điều 24 của Nghị định 82/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

Điều 16, Nghị định 29/2008/NĐ-CP quy định đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư là “nhà đầu tư vào khu công nghiệp”. Hiện nay, nhà đầu tư vào khu công nghiệp của Việt Nam bao gồm nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, hình thức đầu tư chủ yếu là thành lập doanh nghiệp sản xuất trong khu công nghiệp. Pháp luật Việt Nam không có quy định nào về phân nhóm các doanh nghiệp này. Nhưng theo quy định của Luật đầu tư và Luật đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản, pháp luật về thuế và thực tế ở các khu công nghiệp đang tồn tại hai nhóm doanh nghiệp đó là các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp để sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Do vậy, có thể phân loại các doanh nghiệp thành lập và hoạt động hiện hữu trong khu công nghiệp theo 2 nhóm là: (i) Doanh nghiệp xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp (Doanh nghiệp dịch vụ hạ tầng trong khu công nghiệp); (ii) Doanh nghiệp sản xuất khác.

Bảng 2.1. Kết quả khảo sát thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các đối tượng được ưu đãi đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội

T T	Nội dung/ Tiêu chí		Thang đánh giá					ĐT B
			5	4	3	2	1	
1	Các lĩnh vực được ưu đãi đầu tư theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ	SL	5	20	31	28	2	2,98
		%	5,81	23,26	36,05	32,56	2,32	
2	Các dự án đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường	SL	16	32	35	6	0	3,78
		%	18,60	37,20	40,70	6,98	0	
3	Các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	SL	3	28	35	16	4	3,12
		%	3,49	32,56	40,70	18,60	4,65	
4	Chính sách hỗ trợ đầu tư đối với cơ sở hạ tầng	SL	11	31	41	3	0	3,58
		%	12,79	36,05	47,67	3,49	0	

(Nguồn: Tổng hợp khảo sát của tác giả)

Kết quả khảo sát đánh giá về pháp luật đối với các đối tượng được ưu đãi đầu tư cho thấy: Có sự chênh lệch trong các tiêu chí đánh giá như tiêu chí đánh giá về đối tượng được ưu đãi đầu tư “Các dự án đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường” được đánh giá tốt với 3,78/5 điểm. Trong khi đó các đối tượng hưởng ưu đãi thuộc “Các lĩnh vực được ưu đãi đầu tư theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ” chỉ được đánh giá với mức điểm là 2,98/5 điểm. Điều này cho thấy, các lĩnh vực dân sinh luôn được ưu đãi hơn các lĩnh vực khác.

2.2.2. Lĩnh vực ưu đãi đầu tư

Ưu đãi đầu tư là một trong những chính sách quan trọng để thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và mang lại những tác động tích cực đến kinh tế, xã hội của thành phố Hà Nội. Nhằm thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư, Luật đầu tư

2014 quy định về vấn đề ưu đãi đầu tư tại các Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18.

Ngoài 13 nhóm ngành, nghề được hưởng ưu đãi đầu tư kể trên thì các đối tượng sau cũng được hưởng ưu đãi đầu tư:

Dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư: Địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư;

Dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên;

Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ.

Nghị định 29/2008/NĐ-CP, Nghị định 164/2013/NĐ-CP và Nghị định 114/2015/NĐ-CP về khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất sau nhiều năm được đưa vào áp dụng bộc lộ nhiều điểm bất cập so với xu hướng phát triển kinh tế xã hội hiện nay, nhất là các chính sách ưu đãi đầu tư đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất. Vì thế mà sớm ban hành Nghị định mới thay thế 3 Nghị định trên là điều rất cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Tại Nghị định mới quy định về khu công nghiệp, khu kinh tế và khu chế xuất quy định nhiều ưu đãi đối với các khu vực này hơn so với các Nghị định trước đây, cụ thể:

Các dự án được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 30 năm, miễn thuế trong 04 năm và giảm 50% thuế trong 09 năm tiếp theo. Đó là các dự án sau: Dự án đầu tư vào ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và thực hiện tại khu kinh tế hoặc khu công nghiệp được thành lập tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; Dự án

đầu tư vào khu kinh tế có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, giải ngân không quá 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư trong trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng/năm, chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu (trừ dự án sản xuất mặt hàng, thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, dự án khai thác khoáng sản); Dự án đầu tư vào khu kinh tế có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, giải ngân không quá 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư trong trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và sử dụng trên 3.000 lao động (trừ dự án sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, dự án khai thác khoáng sản); Dự án đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật thực hiện tại khu kinh tế bao gồm: nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước, cảng biển, cảng hàng không, năng lượng mới, năng lượng sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng, dự án lọc hóa dầu; Dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, trừ dự án sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và khai thác khoáng sản, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng, sử dụng công nghệ phải thẩm định, giải ngân tổng vốn đầu tư đăng ký không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư đối với trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Bảng 2.2. Kết quả khảo sát về công tác triển khai pháp luật ưu đãi đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội

T	T	Nội dung/ Tiêu chí	Thang đánh giá					ĐT B	
			5	4	3	2	1		
1		Xác định chính xác và rõ ràng các ngành nghề được ưu đãi đầu tư	SL	11	23	36	16	0	3,34
			%	12,7 9	26,74	41,86	18,60	0	

2	Địa bàn có điều kiện kinh tế	SL	7	21	43	14	1	3,22
	- xã hội thuận lợi	%	8,14	24,42	50,00	16,28	1,16	
3	Địa bàn có điều kiện kinh tế	SL	4	18	45	15	4	3,03
	- xã hội khó khăn	%	4,65	20,93	52,33	17,44	4,65	

(Nguồn: Tổng hợp khảo sát của tác giả)

Đánh giá về thực hiện pháp luật về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với các ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn nghiên cứu, kết quả khảo sát cho thấy: Tiêu chí “Xác định chính xác và rõ ràng các ngành nghề được ưu đãi đầu tư” được đánh giá cao với 3,34/5 điểm. Tiêu chí “Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi” với mức điểm đánh giá là 3,22/5 điểm. Triển khai pháp luật ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư “Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn” được đánh giá là 3,03/5 điểm.

2.2.3. Hình thức ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính (hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/8/2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế TNDN từ năm 2015 trở đi), quy định:

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động như mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (gọi chung là dự án đầu tư mở rộng) thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP

(bao gồm cả khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp trừ khu công nghiệp nằm trên địa bàn các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và Khu công nghiệp nằm trên địa bàn các đô thị loại I trực thuộc tỉnh) nếu đáp ứng một trong ba tiêu chí quy định tại điểm này thì được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (bao gồm mức thuế suất, thời gian miễn giảm nếu có) hoặc được áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn hoặc lĩnh vực ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Dự án đầu tư mở rộng quy định tại điểm này phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Nguyên giá tài sản cố định tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động đạt tối thiểu từ 20 tỷ đồng đối với dự án đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP hoặc từ 10 tỷ đồng đối với các dự án đầu tư mở rộng thực hiện tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.

- Công suất thiết kế khi đầu tư mở rộng tăng thêm tối thiểu từ 20% so với công suất thiết kế theo luận chứng kinh tế kỹ thuật trước khi đầu tư ban đầu.

Trường hợp doanh nghiệp chọn hưởng ưu đãi theo diện đầu tư mở rộng thì phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng được hạch toán riêng: Trường hợp doanh nghiệp không hạch toán riêng được phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại thì thu nhập từ hoạt động đầu tư mở rộng xác định theo tỷ lệ giữa nguyên giá tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trên tổng nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại khoản này được tính từ năm dự án đầu tư mở rộng hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh có thu nhập; trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mở rộng thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư phát sinh doanh thu.

Trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động có đầu tư nâng cấp, thay thế, đổi mới công nghệ của dự án đang hoạt động thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi thuế theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP mà không đáp ứng một trong ba tiêu chí quy định tại điểm này thì ưu đãi thuế thực hiện theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (nếu có).

Căn cứ Điều 6 Thông tư 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, quy định:

Miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại Khoản 4 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính và thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại Khu công nghiệp (trừ Khu công nghiệp nằm trên địa bàn có điều kiện - kinh tế xã hội thuận lợi).

Địa bàn có điều kiện - kinh tế xã hội thuận lợi quy định tại khoản này là các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt; đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh, không bao gồm các quận của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh mới được thành lập từ huyện kể từ ngày 01/01/2009; trường hợp khu công nghiệp nằm trên cả địa bàn thuận lợi và địa bàn không thuận lợi thì việc xác định ưu đãi thuế đối với khu công nghiệp căn cứ vào vị trí thực tế của dự án đầu tư trên thực địa.

Việc xác định đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I quy định tại khoản này thực hiện theo quy định tại Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/05/2009 của Chính phủ quy định về phân loại đô thị và văn bản sửa đổi Nghị định này (nếu có).

Về các chính sách khuyến khích phát triển khu công nghiệp hỗ trợ được quy thể tại Điều 35 Nghị định 82/2018/NĐ-CP. Cụ thể:

“Đối với dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp hỗ trợ, bao gồm phân khu công nghiệp hỗ trợ: Được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định pháp luật về đất đai; cho thuê đất trong thời hạn không quá 70 năm; Ưu tiên vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, nguồn vốn ưu đãi ODA cho vay lại, xem xét cấp bảo lãnh của Chính phủ để huy động vốn ngoài nước và thực hiện các hình thức huy động vốn hợp pháp theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, tín dụng và pháp luật có liên quan; Được đưa vào danh mục dự án trọng điểm quốc gia để kêu gọi đối tác hợp tác đầu tư. Đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong khu công nghiệp hỗ trợ:

- Được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các hỗ trợ khác theo quy định pháp luật về thuế, phát triển công nghiệp hỗ trợ và pháp luật khác có liên quan;

- Trường hợp sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo quy định pháp luật về phát triển công nghiệp hỗ trợ, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hỗ trợ thực hiện thủ tục xác nhận ưu đãi trong thời gian tối đa là 30 ngày;

- Ưu tiên tham gia các chương trình đào tạo, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các chương trình khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp hỗ trợ, phân khu công nghiệp hỗ trợ được áp dụng ưu đãi phải đáp ứng đồng thời các điều kiện:

- Nhà đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp xác định cụ thể các ngành, nghề công nghiệp hỗ trợ được ưu tiên thu hút đầu tư vào khu công nghiệp theo quy định của Chính phủ về các ngành, nghề công nghiệp hỗ trợ;

- Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp cho các dự án đầu tư vào ngành nghề công nghiệp hỗ trợ thuê, thuê lại tối thiểu đạt 60% diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê trong khu công nghiệp;

- Nội dung quy định tại điểm a, điểm b khoản này và loại hình khu công nghiệp hỗ trợ được nhà đầu tư cam kết cụ thể trong hồ sơ dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Cơ quan có thẩm quyền quy định loại hình khu công nghiệp hỗ trợ trong quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư trong trường hợp không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Bảng 2.3. Kết quả khảo sát về công tác triển khai các hình thức ưu đãi đầu tư theo pháp luật ưu đãi đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội

T T	Nội dung/ Tiêu chí		Thang đánh giá					ĐT B
			5	4	3	2	1	
1	Ưu đãi về áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	SL	8	21	35	20	2	3,15
		%	9,30	24,42	40,70	23,26	2,32	
2	Ưu đãi miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định;	SL	6	23	41	15	1	3,21
		%	6,98	26,74	47,67	17,44	1,16	

	nguyên liệu, vật tư, linh kiện để thực hiện dự án đầu tư							
3	Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất	SL	11	26	37	12	0	3,42
		%	12,79	30,23	43,02	13,95	0	

(Nguồn: Tổng hợp khảo sát của tác giả)

Kết quả khảo sát bảng 2.3 cho thấy: Các nội dung về hình thức ưu đãi đầu tư đều được đánh giá cao với tiêu chí “Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất” là hình thức được đánh giá cao nhất với mức điểm là 3,42/5 điểm. Hình thức được đánh giá thứ 2 là ưu đãi miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện để thực hiện dự án đầu tư với mức điểm là 3,21/5 điểm. Có thể nói việc miễn giảm những chi phí đầu tư đầu tiên là như tiền thuê đất, nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất thường được các nhà đầu tư chú ý hơn là những ưu đãi sau sản xuất như thuế thu nhập doanh nghiệp...

2.2.4. Thủ tục thực hiện ưu đãi đầu tư trong các khu công nghiệp tập trung ở Hà Nội

2.2.4.1. Về phân định thẩm quyền quản lý nhà nước

Hiện nay, theo quy định của Nghị định 29/2008/NĐ-CP, các tỉnh có khu công nghiệp sẽ hình thành một cơ quan riêng để quản lý các doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp đó là Ban quản lý các khu công nghiệp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Các Ban quản lý này do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, biên chế và chương trình kế hoạch công tác và chi phí hoạt động của UBND cấp tỉnh. Ở cấp trung ương đầu mối quản lý các khu công nghiệp là Vụ Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, Ban

quản lý là cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và SXKD cho nhà đầu tư trong khu công nghiệp.

Ban Quản lý các khu công nghiệp được phân cấp, ủy quyền chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư, quy hoạch, xây dựng, giám sát đánh giá đầu tư và một số nhiệm vụ khác đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Sự phân cấp, ủy quyền trong quản lý các khu công nghiệp phổ biến ở nhiều Quốc gia.

Điều 37, Nghị định 29/2008/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 164/2013/NĐ-CP quy định Ban Quản lý khu công nghiệp có nhiệm vụ sau:

- Đăng ký đầu tư; thẩm tra và cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, tiến độ góp vốn và triển khai dự án đầu tư; việc thực hiện các điều khoản cam kết đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư [10]; [15].

Nghị định 164/2013/NĐ-CP đã sửa đổi một số nội dung còn hạn chế, vướng mắc trong cơ chế phân cấp quản lý và nhiệm vụ của Ban quản lý khu công nghiệp. Đồng thời bổ sung những quy định mới nhằm hoàn thiện thêm khung pháp lý liên quan đến hoạt động của Ban quản lý khu công nghiệp.

Như vậy, không chỉ ở giai đoạn thành lập doanh nghiệp mà sau khi hoàn thành thủ tục thành lập doanh nghiệp, các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp sẽ tiếp tục được quản lý theo một đầu mối chung là Ban quản lý các khu công nghiệp.

Việc thành lập các Ban quản lý khu công nghiệp đã góp phần tạo hành lang và cơ chế quản lý nhà nước cho hoạt động đầu tư và tạo dựng một môi trường đầu tư đặc biệt thuận lợi cho việc thu hút các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, điều chỉnh các hoạt động trong khu công nghiệp và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, kịp thời tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách áp dụng cho khu công nghiệp. Việc phân cấp quản lý và tạo điều kiện cho Ban quản lý thực hiện cơ chế “một cửa, tại chỗ”, trực tiếp giải quyết các thủ tục hành chính về Cấp Giấy chứng nhận đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đầu tư, môi trường, doanh nghiệp, lao động... đảm bảo phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng.

Sự hình thành của Ban quản lý khu công nghiệp cùng với hệ thống chính sách ưu đãi đầu tư trong khu công nghiệp với mức ưu đãi vượt trội về thuế thu nhập, thuế xuất nhập khẩu, miễn giảm tiền sử dụng mặt đất, mặt nước, thời gian thuê đất... đã và đang tạo điều kiện thuận lợi trong việc thu hút đầu tư và phát triển các khu công nghiệp ở nước ta.

UBND Thành phố Hà Nội, là cơ quan chủ quản của Ban quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn Hà Nội, chịu trách nhiệm quản lý và giải quyết các vướng mắc thuộc thẩm quyền đối với các khu công nghiệp trên địa bàn; Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố, là cơ quan phối hợp thực hiện việc hình thành và phát triển các khu công nghiệp Hà Nội; Ban quản lý khu công nghiệp cấp thành phố là cơ quan trực tiếp quản lý nhà nước các khu công nghiệp, có nhiệm vụ báo cáo định kỳ và hàng năm theo quy định của pháp luật về tình hình: Hình thành, xây dựng, phát triển và quản lý nhà nước các khu công nghiệp về UBND thành phố, Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam, các cơ quan Chính phủ có liên quan.

Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1463/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng chính phủ

(trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, thành phố Hà Nội (được thành lập theo Quyết định số 758/TTg ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ) với Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Tây (được thành lập theo Quyết định số 49/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ), là cơ quan trực tiếp quản lý nhà nước các khu công nghiệp, khu chế xuất và cụm công nghiệp theo cơ chế “Một cửa”.

Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội gồm có Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và bộ máy giúp việc theo quy định tại Điều 39 quy chế khu công nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 29/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ.

2.2.4.2. Về thủ tục cấp, điều chỉnh và bổ sung ưu đãi đầu tư

Thủ tục cấp ưu đãi đầu tư thường được gắn liền với thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư và được tiến hành ngay trong giai đoạn bắt đầu triển khai dự án. Các bước của quá trình thực hiện đầu tư gồm chuẩn bị dự án, xin các chấp thuận hoặc giấy phép (nếu có), thành lập doanh nghiệp, xin các giấy phép chuyên ngành để đi vào hoạt động.

Luật đầu tư 2014 đã có một bước cải cách đáng kể về thủ tục cấp ưu đãi đầu tư so với Luật đầu tư năm 2005 và Luật đầu tư nước ngoài và luật khuyến khích đầu tư trong nước trước đây. Trước đây, các dự án đầu tư trong nước gặp khó khăn rất nhiều trong việc xin giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, các dự án đầu tư nước ngoài phải thực hiện thẩm định dự án trước khi tiến hành cấp phép đầu tư gây trở ngại rất lớn và tốn kém về thời gian và chi phí cho các nhà đầu tư. Hiện nay, Điều 17, Luật Đầu tư năm 2014 quy định về Thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư và Tại Điều 17, Nghị định 118/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật đầu tư năm 2014 đã quy định chi tiết các Thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư

- Ưu đãi đầu tư ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư gồm những nội dung sau đây: Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 16 Nghị định này; Căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về đất đai.

- Đối với dự án đầu tư thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư căn cứ nội dung ưu đãi đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư để hưởng ưu đãi đầu tư. Căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ là Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Đối với dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, nhà đầu tư căn cứ đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định này, quy định của pháp luật có liên quan để tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại Cơ quan áp dụng ưu đãi đầu tư.

- Ưu đãi đầu tư được điều chỉnh trong các trường hợp sau: Trường hợp dự án đầu tư đáp ứng điều kiện để được hưởng thêm ưu đãi đầu tư thì nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư đó cho thời gian ưu đãi còn lại; Nhà đầu tư không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư trong trường hợp dự án đầu tư không đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư. Trường hợp dự án đầu tư đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư khác thì nhà đầu tư được hưởng ưu đãi theo điều kiện đó; Trường hợp dự án đầu tư có thời gian không đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư thì nhà đầu tư không được hưởng ưu đãi đầu tư cho thời gian không đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư.

Như vậy, nhà đầu tư trong nước phải làm thêm một khâu “tự xác định các ưu đãi” khi tiến hành các thủ tục thể thực hiện đầu tư còn nhà đầu tư nước ngoài thì không, điều này phản ánh sự phân biệt giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài trong việc giải quyết các thủ tục để thực hiện dự án đầu tư. Mặt khác, việc Nhà nước “tự xác định các ưu đãi” sẽ làm cho nhà đầu tư bị động và sẽ không đảm bảo quyền lợi cho họ khi dự án có sự điều chỉnh hoặc thay đổi. Trên thực tế, việc ghi nhận ưu đãi đầu tư vào giấy chứng nhận đầu tư cũng tồn tại bất cập vì trong quá trình triển khai dự án thường có nhiều thay đổi điều chỉnh từ phía nhà đầu tư điều này dẫn đến trường hợp nhà đầu tư phải thường xuyên làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đầu tư.

2.2.4.3. Về áp dụng và bảo đảm ưu đãi đầu tư

Nhằm bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư trong trường hợp chính sách, pháp luật về ưu đãi đầu tư có sự thay đổi, Luật đầu tư năm 2014 và Nghị định 118/2015/NĐ-CP đã quy định rõ các trường hợp áp dụng ưu đãi đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cũng đã quy định về trình tự thực hiện bao gồm:

- Bước 1: Nhà đầu tư gửi yêu cầu bằng văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo đảm ưu đãi đầu tư quy định tại Khoản 4 Điều 13 Luật đầu năm 2014 cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm ưu đãi đầu tư theo đề xuất của nhà đầu tư trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư. Trường hợp vượt thẩm quyền thì trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Bảng 2.4. Kết quả khảo sát về thực hiện các thủ tục áp dụng pháp luật ưu đãi đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội

T T	Nội dung/ Tiêu chí	Thang đánh giá					ĐT B	
		5	4	3	2	1		
1	Đối với các dự án có Giấy chứng nhận đầu tư	SL	11	21	35	17	2	3,26
		%	12,79	24,42	40,69	19,76	2,32	
2	Đối với các dự án không có Giấy chứng nhận đầu tư	SL	3	20	41	19	3	3,01
		%	3,49	23,26	47,67	22,09	3,49	
3	Thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư nhanh gọn, dễ dàng cho các nhà đầu tư	SL	6	21	51	8	0	3,29
		%	6,98	24,42	59,30	9,30	0	
4	Thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư được thực hiện công khai, minh bạch	SL	8	28	32	16	2	3,28
		%	9,30	32,56	37,21	18,60	2,32	

(Nguồn: Tổng hợp khảo sát của tác giả)

Đánh giá về các thủ tục áp dụng luật ưu đãi đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy: Tiêu chí “Đối với các dự án có Giấy chứng nhận đầu tư” thủ tục được triển khai tương đối tốt với 3,26/5 điểm còn “Đối với các dự án không có Giấy chứng nhận đầu tư” thì thủ tục triển khai chưa được đánh giá tốt với mức điểm là 3,01/5 điểm. Đối với tiêu chí “Thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư nhanh gọn, dễ dàng cho các nhà đầu tư” được đánh giá là 3,29/5 điểm và tiêu chí “Thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư được thực hiện công khai, minh bạch” với 3,28/5 điểm.

2.3. Một số vấn đề rút ra từ thực tiễn áp dụng pháp luật về ưu đãi đầu tư trong các khu công nghiệp tập trung ở Hà Nội

2.3.1. Kết quả đạt được

Tình hình thực hiện, triển khai các ưu đãi trên địa bàn thành phố Hà Nội: Phát triển khu công nghiệp hiện đang là một trong những mũi nhọn trong mục tiêu phát triển kinh tế của cả nước nói chung và thành phố Hà Nội nói

riêng. Do vậy, các ưu đãi đầu tư luôn được các địa phương sử dụng như một công cụ để xúc tiến đầu tư nhằm thu hút mọi nguồn vốn trong và ngoài nước.

Về thủ tục chấp thuận, cấp phép đầu tư và ưu đãi đầu tư: Từ góc nhìn quản lý, hệ thống pháp luật liên quan đến thủ tục đầu tư ngày càng được cải thiện, theo hướng giảm dần thủ tục không cần thiết. Việc thực hiện phân cấp quản lý nhà nước đối với Ban quản lý khu công nghiệp ngày càng chứng minh được vai trò và tầm quan trọng của chính sách này. Việc quản lý cấp phép đầu tư được thực hiện theo cơ chế “một cửa, tại chỗ” và đã phát huy tác dụng tích cực trong việc phát triển khu công nghiệp đảm bảo tính nhanh chóng, chủ động, tích cực, tích kiệm cho cơ chế hành chính.

Thực trạng đầu tư vào khu công nghiệp hiện nay: Các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đã huy động được lượng vốn đầu tư lớn của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phục vụ sự phát triển KT-XH của thành phố.

2.3.2. Tồn tại và nguyên nhân

Bên cạnh những tác động tích cực đối với việc thu hút đầu tư, pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp còn bộc lộ khá nhiều bất cập và tồn tại, cụ thể:

Bất cập trong quy định pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp

Quy định chung về ưu đãi đầu tư: Theo quy định tại Nghị định 29/2008/NĐ-CP và Nghị định 118/2015/NĐ-CP, khu công nghiệp là địa bàn ưu đãi đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư áp dụng đối với địa bàn KT-XH khó khăn, tuy vậy theo danh mục quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều về thuế thu nhập doanh nghiệp thì khu công nghiệp không có tên trong danh mục địa bàn KT-XH khó khăn. Trong những năm gần đây, thu hút đầu tư vào các khu công

nghiệp giảm, tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp tại nhiều địa phương còn hạn chế. Một trong những nguyên nhân là do chính sách ưu đãi đầu tư về thuế thu nhập không còn, trong khi nếu đầu tư trong khu công nghiệp, doanh nghiệp phải tuân thủ Điều lệ quản lý khu công nghiệp, trong đó có việc đóng phí hạ tầng và cung cấp dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dẫn đến chi phí tăng cao hơn so với bên ngoài khu công nghiệp, vì vậy nhiều nhà đầu tư không đầu tư vào khu công nghiệp.

Phân biệt địa bàn đối với ưu đãi thuế: Theo quy định tại Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 và Nghị định 218/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cho thấy “cửa” ưu đãi cho các dự án đầu tư ở khu công nghiệp khá hẹp.

Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2013 và Nghị định 218/2013/NĐ-CP tại khoản 3 Điều 16 đều quy định rõ: “Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghiệp, trừ khu công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện KT-XH thuận lợi theo quy định của pháp luật được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và hướng dẫn tại Nghị định 218/2013/NĐ-CP thì: địa bàn có điều kiện KT-XH thuận lợi” [17].

Ưu đãi thuế bị cắt giảm: Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2013 đưa ra một giới hạn rất nhỏ cho ưu đãi đầu tư vào khu công nghiệp. Đó là sẽ chỉ được miễn thuế trong 2 năm và giảm tối đa 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Theo quy định tại Nghị định này, các doanh nghiệp đầu tư trong các khu công nghiệp không được hưởng ưu đãi về mức thuế xuất mà chỉ hưởng thuế suất ngang bằng với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp thông thường (22%). Trong khi, trước năm 2009, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 28%, thì doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp được hưởng thuế suất 20% trong 10

năm, được miễn thuế 2 năm, giảm thuế 6 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất trong khu công nghiệp thậm chí còn được hưởng ưu đãi ở mức cao hơn, với thuế suất 15% trong 12 năm, miễn thuế 3 năm, giảm thuế trong 7 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Chính vì thế, mức ưu đãi trên được cho là quá thấp, không đủ hấp dẫn để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư. Không chỉ nhà đầu tư, ban quản lý khu công nghiệp các địa phương và cả Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng nhiều lần lên tiếng về việc khôi phục ưu đãi thuế cho khu công nghiệp. Tuy nhiên, kể từ khi áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008, toàn bộ các ưu đãi trên đã bị bãi bỏ. Hệ quả là, các khu công nghiệp hiện nay, tuy có thuận lợi về vị trí, hạ tầng, nhưng chi phí đền bù, xây dựng hạ tầng cao, dẫn đến giá thuê lại đất trong khu công nghiệp rất cao, chưa kể phải đóng thêm phí dịch vụ quản lý... nên không khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp. Có thể nói rằng, ưu đãi đầu tư đối với khu công nghiệp hiện mới chỉ chú trọng ưu đãi về thuế (Cần nhận thấy rằng, ưu đãi đầu tư không chỉ có thuế mà còn bao gồm cả những ưu đãi tài chính: tín dụng lãi suất thấp, bảo hiểm tín dụng... và ưu đãi phi tài chính: sử dụng cơ sở hạ tầng, dịch vụ với giá cả thấp, ưu tiên lựa chọn thị trường...). Ưu đãi này cho dù có tác dụng như một lực hút FDI nhưng không phải đối với tất cả các nhà đầu tư và các vùng lãnh thổ. Nhà đầu tư nước ngoài là doanh nghiệp vừa và nhỏ coi trọng ưu đãi thuế, trong khi nhà đầu tư lớn với chiến lược dài hạn đòi hỏi những ưu đãi khác. Việc quy định các ưu đãi đầu tư cần tránh vượt quá mức cần thiết, lãng phí, dẫn đến bóp méo cơ chế ưu đãi đầu tư. Mặt khác, nguồn vốn FDI thời gian qua hướng nhiều vào các ngành thâm dụng lao động, sử dụng nhiều tài nguyên, tận dụng chính sách bảo hộ công nghiệp, trong khi FDI vào các ngành sử dụng công nghệ cao, tạo ra nhiều giá trị gia tăng, thân thiện với môi trường còn chưa nhiều. Tỷ lệ các dự án FDI đầu tư vào các lĩnh vực định hướng

như kết cấu hạ tầng...còn nhỏ. Hơn nữa các ưu đãi đầu tư mới chỉ tập trung vào thu hút vốn đầu tư nước ngoài trong khi chưa chú trọng đến việc thúc đẩy đầu tư trong nước. Đây là một trong những mặt hạn chế của hoạt động đầu tư nước ngoài được Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận định.

Về hoạt động của Ban Quản lý các khu công nghiệp: Về việc phân cấp, ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp theo Nghị định 164/2013/NĐ-CP đến nay vẫn chưa có thông tư về việc này nên đã gây ra nhiều bất cập trong chỉ đạo và quản lý. Nghị định 164/2013/NĐ-CP vẫn duy trì cơ chế ủy quyền từ các sở, ngành hoặc UBND cấp huyện mà không giao trực tiếp cho UBND cấp tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý, điều này tiếp tục gây bất cập lớn trong thực tế là các tỉnh, thành phố sẽ thực hiện không thống nhất; không giải quyết được vấn đề chồng chéo trong quản lý, cũng như trách nhiệm chính về khu công nghiệp dẫn đến tình trạng quản lý lỏng lẻo, đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

Những bất cập trong thủ tục thực hiện ưu đãi đầu tư: Về ghi nhận ưu đãi đầu tư trong giấy chứng nhận đầu tư: Nhiều loại ưu đãi không được ghi trực tiếp vào Giấy chứng nhận đầu tư như ưu đãi về chuyển lỗ và khấu hao tài sản cố định quy định của Luật đầu tư, kể cả đối với các ưu đãi được quy định ghi trong giấy chứng nhận đầu tư như ưu đãi đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Về cơ chế áp dụng các ưu đãi đầu tư: Các ưu đãi đầu tư áp dụng đối với doanh nghiệp, doanh nghiệp cũng không tự động được hưởng, mà lại phải thông qua một quá trình thủ tục xin phép, thẩm tra, phê chuẩn ở các bộ ngành khác liên quan (VD: với cơ quan hải quan đối với trường hợp xin ưu đãi về thuế nhập khẩu...). Đơn cử như đối với ưu đãi về sử dụng đất, tại khoản 6, Điều 18, Nghị định 46/2014/NĐ-CP quy định: “Người thuê đất, thuê mặt nước chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt

nước sau khi làm các thủ tục để được miễn, giảm theo quy định” [19] và Khoản 1, Điều 21 Nghị định này cũng quy định: “Căn cứ vào hồ sơ, giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định này, cơ quan thuế xác định số tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp và số tiền thuê đất, thuê mặt nước được miễn, giảm”[19]. Nhưng đối với quy định nêu trên thì vô hình trung đã xác nhận rằng nhà đầu tư nói chung sẽ phải thực hiện thêm một thủ tục nữa đó là thủ tục xác nhận miễn, giảm tại cơ quan thuế. Thủ tục này làm mất thời gian cho các doanh nghiệp và đi ngược lại với nguyên tắc một cửa, tự động mà công cuộc cải cách thủ tục hành chính của chúng ta đang hướng đến.

Về hoạt động của Ban Quản lý các khu công nghiệp: Đến nay, việc thực hiện chế độ phân cấp quản lý của các Ban Quản lý khu công nghiệp còn gặp khó khăn. Điều này gây khó khăn cho các doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục về đầu tư và ưu đãi đầu tư do mỗi cơ quan chuyên ngành giải thích một cách khác nhau về cơ chế ưu đãi. Mặt khác còn tồn tại trường hợp doanh nghiệp phải liên hệ với rất nhiều cơ quan khác nhau để thực hiện một thủ tục hành chính.

Thủ tục hành chính để được hưởng ưu đãi còn rườm rà: Hiện nay, nhiều nhà đầu tư vào khu công nghiệp có phản ánh việc hưởng ưu đãi đối với các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp còn rườm rà, phức tạp. Doanh nghiệp phải làm thủ tục xác nhận ưu đãi mất rất nhiều thời gian. Ưu đãi của Nhà nước là một thực tiễn bởi vì trong luật đã qui định. Tuy nhiên, tuy nhiên ưu đãi đó có đến được với doanh nghiệp hay không thì còn phải xem xét đến thủ tục, điều kiện để người ta được hưởng ưu đãi ấy. Rõ ràng, những tiêu chí để xác định mức được ưu đãi đầu tư cũng như các thủ tục để đảm bảo cho doanh nghiệp thực hiện quyền lợi của mình hiện nay còn rườm rà, chưa kể đến thể chế, nhất là các thủ tục hành chính liên quan, các chính sách thường xuyên thay đổi, gây khó khăn cho nhà đầu tư.

Chứng nhận giao dịch bất động sản trong khu công nghiệp: Hiện nay, quy định của pháp luật về thẩm quyền xác nhận giao dịch về bất động sản trong khu công nghiệp đang có sự mâu thuẫn, chông chéo giữa các văn bản. Theo đó, khoản 21 Điều 1 Nghị định 164/2013 (sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 29/2008) quy định ban quản lý khu công nghiệp có quyền xác nhận hợp đồng, văn bản về bất động sản trong khu công nghiệp cho các tổ chức có liên quan theo ủy quyền... Còn theo Nghị định 04/2013 (cũng sửa đổi Nghị định 29/2008) thì việc chứng nhận các hợp đồng này thuộc thẩm quyền của các tổ chức hành nghề công chứng. Như vậy, chỉ có một loại giao dịch mà tới hai cơ quan có thẩm quyền được chứng nhận theo hai nghị định khác nhau mà cả hai nghị định này đều đang có hiệu lực thi hành dẫn đến tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa ban quản lý và các tổ chức hành nghề công chứng gây ách tắc các giao dịch thuê lại đất giữa doanh nghiệp xây dựng kinh doanh hạ tầng và các doanh nghiệp vào đầu tư trong khu công nghiệp. Trong khi, đây là giao dịch quan trọng hàng đầu khi mà thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp.

Tiểu kết chương

Pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp nhìn chung đã xoá bỏ sự phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước, góp phần tạo lập cơ sở pháp lý và môi trường đầu tư bình đẳng, lành mạnh, tạo bước tiến mới về cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư từ đó tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi và hấp dẫn hơn cho tất cả các nhà đầu tư khi đầu tư vào khu công nghiệp...điều này thể hiện quan điểm nhất quán của Việt Nam trong việc khuyến khích đầu tư kinh doanh đối với các doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp. Cùng với thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đất đai, luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đã tạo nên một “sân chơi” chung và thuận lợi cho tất cả các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp. Những ưu đãi này đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế triển khai áp dụng các quy định này đang bộc lộ những hạn chế, bất cập lớn. Để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đang đòi hỏi những sửa đổi, bổ sung mang tính cấp bách nhằm hoàn thiện hơn nữa pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với địa bàn đầu tư trọng điểm và mang tính đặc thù này. Chi tiết nội dung hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp sẽ được tác giả trình bày ở Chương 3 của Luận văn: Định hướng chung và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Yêu cầu và định hướng hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung

3.1.1. Yêu cầu điều chỉnh của pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung

Với mục tiêu phát triển KT-XH theo hướng CNH, HĐH, cơ cấu kinh tế của cả nước trong những năm qua chuyển dịch theo hướng tăng nhanh dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Theo đó, phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (cụm công nghiệp) được xác định là một trong những giải pháp quan trọng để đạt được những mục tiêu phát triển đã đặt ra. Để đạt được mục tiêu trên, pháp luật về ưu đãi thu hút đầu tư vào khu công nghiệp giữ vai trò quan trọng. Trong giai đoạn hiện nay, khi xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, các quy định về ưu đãi đầu tư cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Thứ nhất, các quy định về ưu đãi đầu tư phải được áp dụng thống nhất, các chế độ ưu đãi phải tạo ra động lực thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh và phải hợp lý, tạo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Để có được môi trường pháp lý thích hợp cho việc thực hiện sự bình đẳng giữa các chủ thể tham gia hoạt động kinh tế, pháp luật hiện hành về ưu đãi đầu tư cần chú trọng các quy định về thực thi các biện pháp ưu đãi, các điều kiện, thủ tục hưởng ưu đãi của các nhà đầu tư.

Thứ hai, các quy định về ưu đãi đầu tư cần phù hợp với các cam kết quốc tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập. Đặc điểm của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế là những chế định pháp luật liên quan đến những lĩnh vực kinh tế, thương

mại, đầu tư ở các nước thường có những quy định giống nhau. Mặt khác, chúng ta cần nội luật hóa một số quy định và nguyên tắc của các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia để điều chỉnh các quan hệ kinh tế, đầu tư, thương mại. Luật đầu tư quy định rằng trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa pháp luật trong nước và các quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam phê chuẩn thì sẽ ưu tiên áp dụng các quy định của điều ước quốc tế. Tuy nhiên, không phải bất cứ doanh nghiệp nào cũng có thể hiểu biết điều ước quốc tế hoặc các thông lệ, tập quán quốc tế. Vì vậy, việc nội luật hóa các quy định, các tập quán và thông lệ quốc tế cũng sẽ giúp các doanh nghiệp hiểu và áp dụng các ưu đãi đầu tư một cách chính xác và hiệu quả nhất.

3.1.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung

Một là, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về đầu tư hiệu quả, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế: Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư nói chung và ưu đãi đầu tư trong khu công nghiệp nói riêng không tách rời hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư nói chung. Cần sớm hoàn thiện quy định của Luật đầu tư theo định hướng nhất quán trên cơ sở rà soát các văn bản pháp luật liên quan hướng đến xây dựng một Luật đầu tư thông thoáng, minh bạch, phù hợp, tương đồng với pháp luật đầu tư ở các nước trong khu vực và trên thế giới.

Hai là, hoàn thiện các quy định về ưu đãi đầu tư theo hướng minh bạch, bình đẳng tạo môi trường đầu tư cạnh tranh lành mạnh trong khu công nghiệp: Các quy định về ưu đãi và thủ tục thực hiện được xác lập theo một cơ chế chung đảm bảo không có sự phân biệt giữa các thành phần kinh tế hay các loại doanh nghiệp nhằm tạo ra một hành lang pháp lý rõ ràng và dễ áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp nói chung. Điều này sẽ tạo sự tin tưởng trong tâm lý của các nhà đầu tư. Để đảm bảo điều này cần chú trọng các quy định về

thực thi các chính sách ưu đãi, các quy định về điều kiện, thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư.

Ba là, hoàn thiện và duy trì sự ổn định của các quy định về ưu đãi đầu tư, đặc biệt là ưu đãi về thuế nhằm đảm bảo lợi ích cho các nhà đầu tư: Trong thời gian qua, hệ thống pháp luật về ưu đãi đầu tư, đặc biệt là ưu đãi thuế liên tục có những thay đổi đột ngột đã ảnh hưởng tới lợi ích của các nhà đầu tư, khiến nhiều nhà đầu tư bị “sốc” về thuế. Việc sửa đổi các điều kiện hay mức ưu đãi cụ thể phải đảm bảo bảo lưu các ưu đãi mà nhà đầu tư hiện hữu đang được hưởng hoặc áp dụng cơ chế lựa chọn cho nhà đầu tư khi họ có đáp ứng đủ điều kiện để hưởng một ưu đãi theo mức mới thì được quyền lựa chọn áp dụng ưu đãi theo quy định mới cho thời gian ưu đãi còn lại hoặc hưởng ưu đãi theo quy định cũ.

Bốn là, cải cách chính sách thu hút nguồn vốn FDI vào các khu công nghiệp: Cần rà soát theo hướng chọn lọc để có một hệ thống ưu đãi đầu tư thích ứng với đòi hỏi của các nhà đầu tư và kinh nghiệm quốc tế trong việc thu hút FDI vào công nghệ cao và dịch vụ hiện đại... Chính sách ưu đãi đầu tư cần đảm bảo hấp dẫn nhà đầu tư tiềm năng vào ngành nghề, lĩnh vực theo định hướng mới là ưu tiên phát triển công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, đồng thời phải tính toán và được thực hiện trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, hiệu quả KT-XH của từng địa phương, chấm dứt tình trạng thu hút FDI theo phong trào, bất chấp chất lượng, hiệu quả như thời gian trước đây.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội

Cần có quy định về ưu đãi đầu tư vào khu công nghiệp cao hơn so với bên ngoài: Việc áp dụng những quy định ưu đãi vào khu công nghiệp cao hơn

các dự án bên ngoài nhằm khuyến khích phát triển sản xuất công nghiệp tập trung, phát huy hiệu quả sử dụng đất, sử dụng hạ tầng kỹ thuật, thúc đẩy đầu tư vào khu công nghiệp. Với quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp: Trước đây, với quy định về ưu đãi của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2003, chúng ta đã tạo được sức nóng trong việc thu hút đầu tư vào khu công nghiệp. Tuy nhiên, với quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013, lượng đầu tư vào khu công nghiệp đã giảm hẳn gây ảnh hưởng lớn đến chính sách tập trung công nghiệp. Theo tác giả, cần khôi phục lại ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp vào khu công nghiệp như trước đây, theo đó ưu đãi đầu tư các khu công nghiệp được áp dụng ngang mức áp dụng với địa bàn KT-XH khó khăn để khuyến khích phát triển sản xuất công nghiệp. Ngoài ra, các ưu đãi khác như ưu đãi về thuế nhập khẩu, trích khấu hao tài sản cố định, hỗ trợ khác... cần dành những mức ưu đãi cao hơn đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp.

Ngoài ra, chúng ta có thể nghiên cứu, học hỏi những kinh nghiệm áp dụng các biện pháp ưu đãi đầu tư của các quốc gia khác để áp dụng. Ví dụ như pháp luật của Thái Lan chia ra làm hai hệ thống ưu đãi gồm: (i) các biện pháp Khuyến khích bằng thuế và (ii) Các biện pháp khuyến khích không bằng thuế. Ngoài những nội dung ưu đãi tương đồng với pháp luật Việt Nam, Thái Lan còn áp dụng một số ưu đãi khác như: Giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu thô và những nguyên liệu cần thiết; Khấu trừ hai lần chi phí vận chuyển, điện và nước; Bổ sung 25% khấu trừ chi phí xây dựng và lắp đặt cơ sở hạ tầng của doanh nghiệp; Cho phép công dân nước ngoài vào Thái Lan để nghiên cứu cơ hội đầu tư; Cho phép đưa vào Thái Lan những người lao động kỹ năng cao và chuyên gia để thực hiện việc xúc tiến đầu tư (Luật Kinh doanh nước ngoài – Foreign Business Act of 1999). Hay như Nhật Bản, quốc gia này đã áp dụng

các chính sách như: hỗ trợ vốn kinh doanh từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; tạo điều kiện vay vốn ưu đãi của các tổ chức thuộc Chính phủ cho các dự án đầu tư vào khu công nghiệp (Luật Technopolis - 1983).

Cần quy định rõ và mở rộng lĩnh vực ưu đãi, tạo sự nhất quán trong quy định về lĩnh vực ưu đãi đầu tư giữa Luật đầu tư và các văn bản khác, đặc biệt là với Luật thuế: Tiếp tục mở rộng, khuyến khích đầu tư với các dự án: sử dụng công nghệ cao, công nghệ mới, bảo vệ môi trường, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch... Cần làm rõ các lĩnh vực ưu đãi theo các mức: ưu tiên hàng đầu và ưu tiên để tạo sự thống nhất, minh bạch trong đầu tư. Bên cạnh đó, cần xác định các ngành nghề hạn chế đầu tư để tránh ảnh hưởng tới thị trường trong nước cũng như lợi ích quốc gia. Đặc biệt, cần bổ sung thêm lĩnh vực ưu đãi đầu tư trong khu công nghiệp tại Điều 16 của Nghị định 29/2008/NĐ-CP, trong đó bao gồm: dự án năng lượng mới, năng lượng sạch, các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao, sản phẩm cơ khí trọng điểm và quy định cụ thể hóa tiêu chí xác định một số dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

Cần làm rõ hơn khái niệm nhà đầu tư nước ngoài trong quy định của pháp luật: Việc xác định nhà đầu tư nước ngoài là cơ sở quan trọng để áp dụng điều kiện và thủ tục đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với pháp luật chuyên ngành và điều ước quốc tế. Song, đây là một vướng mắc đã tồn tại 8 năm qua, là một điểm trừ rất lớn trong mắt nhà đầu tư nước ngoài. Có thể đưa ra khái niệm nhà đầu tư nước ngoài dựa vào quốc tịch, nơi đăng ký thành lập, tỷ lệ sở hữu, mức độ tham gia quản lý của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong doanh nghiệp đã thành lập tại Việt Nam. Đặc biệt, cần quy định cụ thể về tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài để được coi là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Có thể sử dụng định nghĩa của Tổ chức Hợp tác và Phát triển

kinh tế (OECD) để xác định nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, doanh nghiệp có vốn FDI là doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu từ 10% cổ phần thông thường, hoặc quyền biểu quyết.

Đảm bảo đối xử bình đẳng giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài: Để đảm bảo tính ổn định, công bằng, dự thảo Luật Đầu tư sửa đổi cần quy định theo hướng đảm bảo sự bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài về quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư, điều kiện gia nhập thị trường, về quyền kinh doanh, về cách thức quản lý nhà nước. Trong trường hợp pháp luật thay đổi, các ưu đãi với nhà đầu tư sẽ được duy trì. Quy định này đảm bảo cho các nhà đầu tư yên tâm bỏ vốn đầu tư dài hạn, vì việc ổn định về ưu đãi và chính sách là một trong những quan tâm hàng đầu của nhà đầu tư khi lựa chọn môi trường đầu tư.

Đặc biệt trong ưu đãi liên quan đến sử dụng đất, cần đảm bảo bình đẳng giữa các nhóm doanh nghiệp. Việc ưu đãi hướng đến mục tiêu đất đai phải được sử dụng một cách có hiệu quả nhất, có lợi nhất cho phát triển kinh tế, xã hội và dành cho dự án đầu tư tốt nhất chứ không nên có sự phân biệt. Theo đó, đối với doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội, bảo vệ môi trường thì đều được hưởng ưu đãi như nhau chứ không có sự phân biệt nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài.

Đối với các ưu đãi về thuế nói chung: Trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế và khu vực trong thu hút FDI ngày càng trở nên gay gắt thì việc bổ sung, sửa đổi chính sách ưu đãi đầu tư càng trở nên cấp bách. Về dài hạn, cần thay đổi căn bản cơ chế xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư theo hướng cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ chuyên ngành, địa phương xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư như thuế, đất đai, xuất nhập khẩu... nhằm bảo đảm tính thống nhất và xuyên suốt với định hướng thu hút

đầu tư và các hỗ trợ khác ngoài hàng rào, trong hàng rào, bảo lãnh, đào tạo... Quy định về ưu đãi đầu tư cần xây dựng trên nguyên tắc hậu kiểm có điều kiện và thời hạn, thay vì phương thức tiền kiểm như hiện nay với định hướng là tập trung ưu tiên vào ngành, lĩnh vực cần phát triển, vào các dự án đầu tư trong khu công nghiệp. Bên cạnh hệ thống ưu đãi chuẩn, cần quy định thêm cơ chế ưu đãi thỏa thuận để áp dụng đối với các dự án đặc thù. Tuy nhiên, để có cơ sở xem xét, quyết định ưu đãi thỏa thuận một cách rõ ràng, minh bạch, tránh cơ chế "xin cho" cũng như giám sát thực hiện đối với các dự án này, cần nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí (công nghệ cao, giá trị gia tăng, liên kết, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, sử dụng công nghệ xanh, đóng góp cho ngân sách...) thay vì chỉ dựa vào tiêu chí lĩnh vực và địa bàn như hiện nay.

Đề nghị bãi bỏ quy định phân biệt địa bàn đối với các ưu đãi đầu tư vào khu công nghiệp: Luật đầu tư và các văn bản liên quan đã quy định nhiều chính sách ưu đãi khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào khu vực kinh tế có điều kiện khó khăn và đặc biệt khó khăn. Vì thế, không nên đặt vấn đề phân biệt ưu đãi đối với khu công nghiệp dù khu công nghiệp được đặt ở địa bàn nào, khu vực nào vì mục đích chính của chúng ta là khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp. Nguyên tắc ưu đãi đối với khu công nghiệp đã được quy định tại Nghị định 29/2008/NĐ-CP hoặc áp dụng đúng như quy định của Nghị định 29/2008/NĐ-CP theo hướng phân nấc ưu đãi được hưởng: các doanh nghiệp trong khu công nghiệp được ưu đãi, các khu công nghiệp ở địa bàn khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn thì được ưu đãi ở mức cao hơn. Trong khi, hiện các tỉnh miền Trung xây dựng rất nhiều khu công nghiệp, nhưng tỷ lệ lấp đầy rất thấp do doanh nghiệp vẫn hoạt động bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, vì làm bên ngoài chi phí thấp hơn, bởi không phải trả tiền thuê hạ tầng khu công nghiệp. Do vậy, nếu không ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp như Luật thuế thu nhập doanh

ngành năm 2003, thì nên cân nhắc ưu đãi (miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp 4 năm khoản 3, Điều 16, Nghị định 218/2013/NĐ-CP) đối với tất cả các khu công nghiệp, mà không phân biệt khu công nghiệp nằm ở địa bàn thuận lợi, khu vực kinh tế trọng điểm hay ở khu vực có điều kiện KT-XH khó khăn, hoặc đặc biệt khó khăn.

Sửa đổi ưu đãi đầu tư theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp: Các khu công nghiệp đã và đang đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng sản xuất công nghiệp. Để có được kết quả này phải kể đến sự nỗ lực của các doanh nghiệp hạ tầng trong việc xây dựng các khu công nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay các doanh nghiệp hạ tầng đang gặp phải nhiều khó khăn. Nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp trong khu công nghiệp nói riêng bị giảm sút mạnh. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp lại càng gặp nhiều bất lợi hơn do vốn đầu tư vào dự án lớn, việc thu hồi rất chậm, mang nhiều yếu tố rủi ro. Do vậy, tác giả kiến nghị: Điều chỉnh lại Khoản a, Mục 1, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 đối với việc thắt chặt tín dụng trong lĩnh vực bất động sản “không bao gồm các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp” để các chủ đầu tư được vay vốn từ các tổ chức tín dụng, tiếp tục thực hiện các công trình còn dở dang; Giảm lãi suất cho vay; xem xét cho vay vốn đối với các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp. Đồng thời có giải pháp tháo gỡ khó khăn, giải quyết bất cập về tăng đơn giá tiền sử dụng đất ví dụ như kéo dài thời hạn nộp tiền sử dụng đất hoặc tăng thời gian miễn giảm để doanh nghiệp chủ động thu xếp nguồn tài chính.

Đề nghị lược bỏ các quy định về ưu đãi mà không còn phù hợp: ví dụ ưu đãi về chuyển lỗ mà bản chất không phải là ưu đãi đầu tư.

Một số kiến nghị hoàn thiện về thủ tục thực hiện ưu đãi đầu tư

Ban hành văn bản (có thể là văn bản liên bộ, liên ngành) nhằm hướng dẫn cụ thể các quy định về ưu đãi đầu tư: Theo đó, làm rõ vấn đề thủ tục để nhà đầu tư có thể được hưởng ưu đãi đầu tư, thay cho việc không có các quy định hướng dẫn cụ thể về ưu đãi đầu tư sẽ được triển khai thực hiện như thế nào trong thời gian qua khiến các nhà đầu tư không rõ phải xin ý kiến và chấp thuận của cơ quan nào để được hưởng các loại ưu đãi này.

Thực hiện cơ chế hành chính một cửa, tự động: Các ưu đãi đầu tư mà doanh nghiệp được hưởng phải do cơ quan nhà nước xác định cụ thể và cần phải được ghi nhận đầy đủ tại Giấy chứng nhận đầu tư, không có sự phân biệt giữa dự án đầu tư trong nước và dự án đầu tư nước ngoài. Một khi ưu đãi đã được ghi trong giấy chứng nhận đầu tư thì doanh nghiệp phải tự động được hưởng các ưu đãi này theo quy định của pháp luật liên quan và không cần phải thực hiện thêm các thủ tục xin phép các cơ quan khác. Chúng ta có thể học hỏi mô hình thực hiện thực tục hành chính tại các khu công nghiệp ở Đài Loan: Việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của các khu công nghiệp ở Đài Loan như cấp phép đầu tư, hải quan, thuế... được tiến hành theo cơ chế “một cửa”. Chính quyền Trung ương quy định rất rõ, người có nhu cầu giải quyết công việc chỉ cần đến một nơi, ở đó sẽ được thông báo công khai tiến trình, thời hạn xử lý công việc. Nơi nhận hồ sơ sẽ chịu trách nhiệm đôn đốc, xử lý công việc ở các khâu tiếp theo và trả kết quả đúng hạn cho người có nhu cầu.

Theo đó, tác giả đề xuất việc thiết lập cơ chế "một cửa" tiếp nhận hồ sơ và giải quyết tập trung các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng thông qua cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Theo cơ chế này, nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự án đầu tư gồm dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư và tài liệu liên quan theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng... Ban quản lý khu

công nghiệp sẽ là đầu mối chung, chịu trách nhiệm tổ chức xem xét, lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung thẩm tra, mà không yêu cầu nhà đầu tư phải đến từng cơ quan để thực hiện các thủ tục khác nhau. Như vậy sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn rất nhiều cho các nhà đầu tư đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài.

Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về việc chứng nhận giao dịch bất động sản trong khu công nghiệp: Theo đó, quy định thống nhất cho một cơ quan có thẩm quyền xác nhận giao dịch này tránh hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm gây ách tắc trong giao dịch loại bất động sản đặc thù này. Theo ý kiến tác giả, quy định thống nhất thẩm quyền xác nhận giao dịch này cho Ban quản lý khu công nghiệp là phù hợp vì tính chất đặc thù của các giao dịch trong khu công nghiệp mặt khác đảm bảo tính thống nhất một đầu mối quản lý vì Ban quản lý khu công nghiệp là đơn vị nắm rõ nhất tình trạng của các bất động sản trong khu công nghiệp có đủ điều kiện giao dịch hay không.

Tăng cường phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý các khu công nghiệp: Để tổ chức thực hiện tốt Nghị định số 29/2008/NĐ-CP và Nghị định số 164/2013/NĐ-CP, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường cải thiện môi trường thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, trước hết phải hoàn thiện về mặt thể chế nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật trong các ngành, lĩnh vực với các quy định về quản lý khu công nghiệp, bảo đảm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực trong phạm vi khu công nghiệp. Để thực hiện được giải pháp này, kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương sớm hướng dẫn ủy quyền cho Ban Quản lý các khu công nghiệp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành và lĩnh vực theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP và 164/2013/NĐ-CP, cụ thể: Hướng dẫn thực hiện thống nhất chung trên phạm vi cả nước công tác quản lý

đầu tư, quản lý ưu đãi, quản lý dự án và môi trường trong các khu công nghiệp.

Trước mắt cần điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý còn vướng mắc, chưa hợp lý trong phân cấp, ủy quyền để làm rõ vai trò, vị trí, tổ chức bộ máy, biên chế của Ban Quản lý trong hệ thống cơ quan nhà nước cấp địa phương; phân định rõ nhiệm vụ phân cấp và nhiệm vụ ủy quyền của Ban quản lý; phân định rõ cơ quan chủ trì phối hợp quản lý nhà nước tại khu công nghiệp nhằm tạo sự thống nhất giữa các ngành, lĩnh vực tại địa phương để các Ban quản lý triển khai thực hiện nhiệm vụ được thuận lợi. Đồng thời thực hiện phân cấp triệt để những lĩnh vực mà Ban Quản lý các khu công nghiệp thực hiện theo quy định của Nghị định 29/2008/NĐ-CP và Nghị định 164/2013/NĐ-CP. Công khai, minh bạch hoá thông tin về ưu đãi đầu tư: Công khai hoá thông tin về ưu đãi đầu tư là yếu tố rất quan trọng trong việc đảm bảo sự minh bạch của pháp luật và đối xử bình đẳng trong thực hiện các ưu đãi đầu tư. Trong đó chú trọng:

- Minh bạch hoá các thông tin về nội dung ưu đãi đầu tư như: lĩnh vực ưu đãi đầu tư, điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư, mức và thời gian hưởng ưu đãi, thông tin về tiếp cận tài chính; thông tin về thuế và hỗ trợ của UBND tỉnh, thành phố...

- Công khai hoá các thông tin về thủ tục thực hiện ưu đãi đầu tư như: thông tin về thẩm quyền quản lý, quy trình cấp phép, thời gian cấp ... tạo thuận lợi cho việc đăng ký đầu tư.

Ngoài ra, cần chú trọng phát triển các dịch vụ hỗ trợ đầu tư từ phía các cơ quan hành chính nhà nước đây cũng là yếu tố được quan tâm nhiều nhất của mọi nhóm doanh nghiệp. Đồng thời, thường xuyên quảng bá quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, tổ chức các hội thảo, hội chợ, triển lãm ở trong và ngoài nước theo chuyên đề để thu hút đầu tư; tổ chức các buổi hội

thảo về các giải pháp hỗ trợ thủ tục hành chính cho nhà đầu tư. Thực hiện tốt những vấn đề nêu trên kết hợp với các ưu đãi đầu tư của nhà nước sẽ là nhân tố thúc đẩy thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp và từng bước cải cách thủ tục hành chính trong thực hiện ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.3.1. Đổi mới tư duy nhận thức về pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội

Cải cách thể chế, phương thức hoạt động của Nhà nước mà Đại hội Đảng IX, X, XI, XII nêu ra gắn liền với việc đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Tiến hành công việc đó theo định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật cũng phải theo định hướng ấy. Để làm được điều này, tất cả các địa phương, trong đó có Hà Nội đồng thời triển khai các biện pháp hữu hiệu nhằm tuyên truyền, giáo dục các kiến thức về pháp luật nói chung, pháp luật về ưu đãi đầu tư nói riêng.

Đổi mới tư duy lý luận về pháp luật ưu đãi đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội là đổi mới về quan niệm và nhận thức về bản chất và vai trò của pháp luật ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn Thành phố. Pháp luật về ưu đãi đầu tư tạo ra một môi trường hoạt động, một thị trường đầu tư có quy tắc trên địa bàn thành phố chứ không nên để pháp luật trở thành rào cản của hoạt động đầu tư tại các khu công nghiệp.

Tìm hiểu bản chất của pháp luật ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn Hà Nội thông qua tính khách

quan của pháp luật chính là tính chất của các quan hệ xã hội. Pháp luật thực định chính là một trong những biểu hiện tính chất của các quan hệ xã hội. Trong pháp luật về ưu đãi đầu tư còn chứa đựng các yếu tố chủ quan. Đó chính là sự đánh giá chủ quan tính chất của các quan hệ xã hội. Đổi mới nhận thức vai trò của pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn Hà Nội trong hoạt động kinh tế của Thành phố theo những tư duy nói trên, các văn kiện của Đảng đã đề cao vai trò của pháp luật trong đời sống nhà nước và đời sống xã hội.

3.3.2. Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thực tế cho thấy, một trong những nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn Hà Nội thời gian qua là trình độ hiểu biết pháp luật, ý thức pháp luật, sự tôn trọng pháp luật của một bộ phận các đối tượng liên quan còn hết sức hạn chế. Trong thời gian qua, việc tuyên truyền pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và các phương tiện khác đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, so với yêu cầu nâng cao trình độ, ý thức pháp luật cho người dân trên địa bàn Thành phố thì những kết quả đó vẫn chưa tương xứng. Để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về đầu tư nói chung, pháp luật về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư nói riêng của các doanh nghiệp, chủ đầu tư và nhân dân trong thời gian tới, cần triển khai các nội dung:

Nâng cao năng lực hoạt động của đơn vị thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp trên địa bàn Thành phố: Tăng cường sự lãnh đạo, quản lý của cấp ủy Đảng, chính quyền đối với hoạt động của đơn vị này, đặc biệt là giao nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể trong từng năm và cung cấp kinh phí

đầy đủ, đảm bảo cho các đơn vị này triển khai và hoàn thành nhiệm vụ của mình. Số lượng các văn bản do trung ương và Hà Nội ban hành về hoạt động ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung quá nhiều, do vậy các đơn vị này cần phải căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương tổ chức hoạt động thường xuyên để chuyển tải kịp thời các văn bản đến với các đối tượng liên quan.

Tổ chức điều tra, khảo sát để biết được tình hình trong thực tế về trình độ hiểu biết pháp luật về ưu đãi đầu tư của các doanh nghiệp, chủ đầu tư: Sự hiểu biết pháp luật của mỗi cá nhân khác nhau, sự hiểu biết đó phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: nghề nghiệp, khu vực sống, trình độ văn hóa, giới tính... Nội dung tuyên truyền pháp luật về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cần thiết thực, đơn giản, dễ hiểu: Nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật hiện nay rất rộng: thông tin về pháp luật ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, thông tin về thực hiện pháp luật ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, về tình hình phạm pháp... Bên cạnh việc phát huy ngày càng hiệu quả các hình thức này, đối với các vùng nông thôn, vùng sâu cần lựa chọn những hình thức thích hợp như: phát sách hướng dẫn thực hiện pháp luật; tổ chức nói chuyện thường xuyên về pháp luật ở các tụ điểm dân cư; tăng cường các hình thức phát sóng đa dạng, liên tục, hấp dẫn trên hệ thống đài truyền thanh quận, huyện và xã....

3.3.3. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức từ lãnh đạo các cấp, ngành, cán bộ, công chức đặc biệt là đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài phục vụ phát triển KT-XH tỉnh; Tuyên truyền, vận động tạo đồng thuận cao trong lãnh đạo và nhân dân trong việc vận động, thu hút đầu tư nước ngoài.

Tập trung khắc phục có hiệu quả những nguyên nhân gây trở ngại làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh, đặc biệt là các nguyên nhân chủ quan do lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cấp, các ngành (cải cách thủ tục hành chính, lề lối tác phong làm việc và thái độ của cán bộ công chức đối với nhà đầu tư;

Soát xét thủ tục đầu tư, kiên quyết loại bỏ các thủ tục rườm rà, không cần thiết, pháp luật không quy định, nhập các thủ tục có thể nhập được để đơn giản, gọn nhất các thủ tục đầu tư; hiện thực hóa việc nhà đầu tư chỉ nộp hồ sơ và nhận kết quả tại một đầu mối là Sở Kế hoạch Đầu tư.

Chủ động, bố trí, sắp xếp cán bộ có năng lực, có trách nhiệm trong hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ, tiếp nhận, xử lý các thủ tục hành chính bảo đảm đúng tiến độ theo quy định, có chế tài khuyến khích đồng thời phát hiện và xử lý nghiêm những cán bộ, công chức có hành vi nhũng nhiễu, gây cản trở cho tổ chức, cá nhân khi thi hành công vụ.

Tuyên truyền, cập nhật thông tin và thường xuyên rà soát, xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trên Hệ thống thông tin điện tử của Ban quản lý khu công nghiệp và sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Xây dựng kho thông tin, dữ liệu đầu tư nước ngoài tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để phục vụ tốt hơn nhu cầu về thông tin của các tổ chức tài trợ, nhà tài trợ và nhà đầu tư; đồng thời chia sẻ tốt hơn thông tin về những nhu cầu của các ngành, địa phương. Đồng thời kết nối với các nhà tài trợ và các bộ, ngành trung ương trong việc tìm nguồn vốn đầu tư nước ngoài cho tỉnh.

3.3.4. Nâng cao năng lực của đội ngũ triển khai pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí sử dụng cán bộ nhất là cán bộ làm công tác quản lý. Phát hiện, bồi dưỡng tài năng trẻ trong

đội ngũ cán bộ công chức, viên chức để quy hoạch đào tạo lâu dài; Tập trung đào tạo nguồn nhân lực để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có đủ trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH; chú trọng đào tạo nghề, đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật cho các khu công nghiệp, khu kinh tế. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề và phát triển dịch vụ giới thiệu việc làm;

Đẩy mạnh đào tạo đội ngũ cán bộ quản trị doanh nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đủ khả năng tiếp cận tiên bộ khoa học quản lý, công nghệ, thị trường để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Tiểu kết chương

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về ưu đãi đầu tư không tách rời việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư nói chung. Một hệ thống pháp luật về đầu tư thông thoáng, minh bạch và phù hợp, tương đồng với hệ thống pháp luật của các nước trong khu vực và trên thế giới là yếu tố quyết định để hình thành các quy định về ưu đãi đầu tư mang tính hiệu quả, thực thi. Việc cấp ưu đãi đầu tư cần được xem xét cẩn trọng vì đây là chính sách rất tốn kém, ảnh hưởng đến hệ thống thuế quốc gia và những hạn chế về ngân sách mà nó tạo ra đối với nước sở tại. Các ưu đãi cần phải được rà soát liên tục nhằm đánh giá tính hiệu quả của các ưu đãi và giám sát để xác định liệu các ưu đãi đó có thực sự mang lại kết quả như mong đợi hay không. Đặc biệt cần những sửa đổi nhanh chóng và tích cực để tạo môi trường đầu tư hấp dẫn cho Việt Nam trong đó chú trọng đảm bảo tính minh bạch và bình đẳng trong quy định và thực thi các ưu đãi đầu tư, nâng cao các ưu đãi đầu tư với khu công nghiệp, sửa đổi các ưu đãi theo hướng khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các thủ tục ưu đãi đầu tư, tăng cường minh bạch thông tin về ưu đãi đầu tư...

KẾT LUẬN

Phát triển các khu công nghiệp giữ một vị trí quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân nhằm thực hiện ý tưởng “đi tắt, đón đầu” trong công cuộc chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Trong đó, điểm mạnh của khu công nghiệp chính là thu hút mạnh mẽ các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào phát triển công nghiệp tập trung. Do vậy, đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp là một chính sách lớn trong kế hoạch phát triển KT-XH của đến năm 2020, phấn đấu đến năm 2030, Hà Nội có 18 khu công nghiệp tập trung. Để thực hiện tốt chính sách thu hút đầu tư phục vụ mục tiêu phát triển các khu công nghiệp đòi hỏi cần có một hệ thống quy định pháp luật về ưu đãi đầu tư bình đẳng, minh bạch và hiệu quả đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

Các quy định về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp hiện nay mặc dù khá đầy đủ về số lượng và phạm vi điều chỉnh nhưng trên thực tế, các quy định này vẫn tồn tại nhiều bất cập, vướng mắc cần tháo gỡ. Tác giả, thông qua việc nghiên cứu về nội dung quy định của pháp luật, thực tiễn thực thi và những bất cập về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội, kết hợp với việc nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia về ưu đãi đầu tư vào khu công nghiệp đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, từ đó thúc đẩy thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp. Trong đó, tác giả tập trung vào ba nhóm vấn đề chính là: định hướng chung về hoàn thiện pháp luật ưu đãi đầu tư, kiến nghị hoàn thiện pháp luật nội dung và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về thủ tục thực hiện các ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Hi vọng Luận văn sẽ đóng góp một phần tích cực trong việc sửa đổi các quy định về ưu đãi đầu tư nói chung và ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp nói riêng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thành Tự Anh (2006), “Xé rào ưu đãi đầu tư: Cuộc chạy đua xuống đáy”, Thời báo Kinh tế Sài Gòn điện tử.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2012), “khu công nghiệp, khu chế xuất ở Việt Nam: Hai thập kỷ xây dựng và phát triển (Phần I, II)”, Tạp chí Khu công nghiệp Việt Nam điện tử
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), “Bức tranh khu công nghiệp, khu kinh tế năm 2013 qua những con số”, Tạp chí Khu công nghiệp Việt Nam điện tử
4. Bộ kế hoạch và Đầu tư (2014), Báo cáo nghiên cứu về pháp luật đầu tư của một số nước, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính (2011), Thông tư 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Hà Nội.
6. Bộ Tài chính (2013), Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Hà Nội.
7. Chính phủ (2004), Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, Hà Nội.
8. Chính phủ (2006), Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/ 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đầu tư, Hà Nội.
9. Chính phủ (2008), Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Hà Nội.
10. Chính phủ (2008), Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, Hà Nội.

11. Chính phủ (2008), Nghị định 44/2008/NĐ-CP ngày 09/04/2008 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 198/2004/NĐ-CP về thu tiền sử dụng đất, Hà Nội.
12. Chính phủ (2010), Nghị định 87/2010/NĐ-CP ngày 13/08/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Hà Nội.
13. Chính phủ (2010), Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP về thu tiền sử dụng đất, Hà Nội.
14. Chính phủ (2010), Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của ND 142/2005/NĐ-CP về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, Hà Nội.
15. Chính phủ (2013), Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, Hà Nội.
16. Chính phủ (2013), Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế GTGT, Hà Nội.
17. Chính phủ (2013), Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Hà Nội.
18. Chính phủ (2014), Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 về thu tiền sử dụng đất, Hà Nội.
19. Chính phủ (2014), Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 về thu tiền thuê đất, mặt nước, Hà Nội.

20. Công ty Cổ phần Kết nối Đầu tư Việt Nam (2013), Báo cáo Khu công nghiệp Việt Nam 2013. Tài liệu hội thảo triển lãm các Khu công nghiệp Việt Nam 2013, Hà Nội.
21. Bao Duy (2011), “Cái giá của ưu đãi đầu tư”, Tạp chí Cà Mau điện tử, <http://www.camautravel.vn/vn/newsdetail/1497/cai-gia-cua-uu-dai-dau-tu.html>.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần IV, Nxb Sự thật, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần VI, Nxb Sự thật, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần VII, Nxb Sự thật, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb Sự thật, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (1992), Văn kiện Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương khoá VII, Văn phòng Trung ương, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần VIII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần X, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam XI (2011), Báo cáo chính trị Đại hội và Chiến lược phát triển KT-XH 2011-2020 đã định hướng phát triển khu công nghiệp bền vững và theo chiều sâu, Hà Nội.

31. Nguyễn Đức (2013), “Đầu tư vào Khu công nghiệp: hẹp cửa ưu đãi”, Báo đầu tư điện tử, <http://baodautu.vn/dau-tu-vao-khu-cong-nghiep-hep-cua-uu-dai.html>.
32. Phạm Văn Hảo (2011), Địa vị pháp lý của Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại các khu công nghiệp và khu chế xuất Việt Nam trong tương quan so sánh với pháp luật một số Quốc Gia, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
33. Chu Thị Mỹ Hạnh (2010), Các biện pháp ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư theo Luật đầu tư 2005 và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Lào Cai, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Luật Hà Nội.
34. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam (2002), Từ điển bách khoa Việt Nam, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
35. Khoa Kinh tế, Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2005), Dự án Nâng cao năng lực cạnh tranh Việt Nam (VNCI), Báo cáo nghiên cứu chính sách – VNCI, số 2, Ưu đãi Tài chính đối với đầu tư trong nước tại Việt Nam: Hiệu quả hay không?, TP Hồ Chí Minh.
36. Vũ Chí Lộc, Lê Thị Ngọc Lan (2004), “Kinh nghiệm phát triển các khu công nghiệp sản xuất hàng hóa xuất khẩu tại Hàn Quốc và Thái Lan”, Tạp chí Thông tin Khu Công nghiệp Việt Nam, (4), tr.30,31.
37. Đoàn Thị Thúy Nga (2011), Các biện pháp ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư theo luật đầu tư 2005 và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Bắc Giang, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Luật Hà Nội.
38. Nguyễn Thị Nhàn (2011), Giải pháp thu hút vốn đầu tư vào các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam, Luận văn thạc sĩ kinh tế.
39. Nhóm chuyên gia VCCI (2011), Báo cáo rà soát văn bản pháp luật – Luật đầu tư 2005, Hà Nội.

40. Phương Nhi (2012), “Vướng mắc trong thực tiễn xây dựng các khu công nghiệp”, Tạp chí Khu công nghiệp Việt Nam điện tử, [http://khucongnghiep.com.vn/nghiencuu/tabid/69/articleType/ArticleView/articleId/540/VNG-MC-TRONG-THC-TIN-XY-doanh_nghiepG-CC-khu công nghiệp.aspx](http://khucongnghiep.com.vn/nghiencuu/tabid/69/articleType/ArticleView/articleId/540/VNG-MC-TRONG-THC-TIN-XY-doanh_nghiepG-CC-khu_cong_nghiep.aspx).
41. Phạm Thị Thanh Ngọc (2008), Pháp luật của Việt Nam về ưu đãi đầu tư với thực tiễn ở tỉnh Quảng Ngãi, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội.
42. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2011), Báo cáo tổng hợp rà soát pháp luật kinh doanh, Hà Nội.
43. Quốc hội (2003), Luật đất đai năm 2003, Hà Nội.
44. Quốc hội (2005), Luật đầu tư năm 2014, Hà Nội.
45. Quốc hội (2005), Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11, Hà Nội.
46. Quốc hội (2008), Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Hà Nội.
47. Quốc hội (2008), Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12, Hà Nội.
48. Quốc hội (2010), Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12, Hà Nội.
49. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2011), Kế hoạch 5 năm 2011-2015 - Nghị quyết số 10/2011/QH13, Hà Nội.
50. Quốc hội (2013), Luật đất đai số 45/2013/QH13, Hà Nội.
51. Quốc hội (2013), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13, Hà Nội.
52. Quốc hội (2013), Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13, Hà Nội.

53. Nguyễn Thị Trà (2012), Các biện pháp ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư theo Luật đầu tư 2005 và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Nghệ An, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Luật Hà Nội.
54. Phương Thanh (2012), “Các doanh nghiệp hạ tầng: cần nhiều cơ chế, chính sách”, Tạp chí Khu công nghiệp Việt Nam điện tử, <http://khucongnghiep.com.vn/nghiencuu/tabid/69/articleType/ArticleView/articleId/589/Cc-doanh-nghiep-h-tng-Cn-nhiu-c-ch-chnh-sch.aspx>
55. Trần Văn Thắng (2012), “Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp”, Tạp chí Khu công nghiệp Việt Nam điện tử, [http://khucongnghiep.com.vn/nghiencuu/tabid/69/articleType/ArticleView/articleId/569/Hon-thin-cng-tc-qun-l-nh-nc-i-vi-cc-khu công nghiệp.aspx](http://khucongnghiep.com.vn/nghiencuu/tabid/69/articleType/ArticleView/articleId/569/Hon-thin-cng-tc-qun-l-nh-nc-i-vi-cc-khu%20cong%20nghiep.aspx).
56. Bùi Tất Thắng (2014), “Phát triển kinh tế Việt Nam: Sẻ chia kinh nghiệm để kiếm tìm cơ hội từ “Kỳ tích sông Hàn”, Tạp chí Khu công nghiệp Việt Nam điện tử, [http://khucongnghiep.com.vn/nghiencuu/tabid/69/articleType/ArticleView/articleId/540/VNG-MC-TRONG-THC-TIN-XY-doanh nghiệpG-CC-khu công nghiệp.aspx](http://khucongnghiep.com.vn/nghiencuu/tabid/69/articleType/ArticleView/articleId/540/VNG-MC-TRONG-THC-TIN-XY-doanh%20nghiepG-CC-khu%20cong%20nghiep.aspx).
57. Lê Thị Lệ Thu (2006), Pháp luật về ưu đãi đầu tư ở Việt Nam, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
58. Vũ Thị Ngọc Thủy - Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai (2013), “Phân cấp quản lý đầu tư nước ngoài”, Tạp chí Khu công nghiệp Việt Nam điện tử, <http://khucongnghiep.com.vn/nghiencuu/tabid/69/articleType/ArticleView/articleId/670/Phn-cp-qun-l-u-t-nc-ngoai.aspx>.
59. UNIDO – Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc và Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam (2011), Báo cáo Đầu tư công nghiệp Việt

Nam 2011 – Tìm hiểu về tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài trong phát triển công nghiệp, Việt Nam.

60. Văn phòng Quốc hội (2014), Dự thảo luật đầu tư, Hà Nội.
61. Viện kinh tế học (1999), Mô hình đặc khu kinh tế Trung Quốc và những bài học cho phát triển đặc khu kinh tế Việt Nam, Hà Nội.

PHỤ LỤC
PHIẾU KHẢO SÁT

(Đối tượng khảo sát là cán bộ quản lý và lãnh đạo các doanh nghiệp đang đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội)

Để đánh giá đúng thực trạng thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian qua, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện nội dung về ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư trong thời gian tới. Tác giả luận văn mong ông/ bà vui lòng cho ý kiến đánh giá của mình về các nội dung dưới đây. Tác giả luận văn xin đảm bảo những thông tin cá nhân trong Phiếu khảo sát này hoàn toàn được bảo mật và không sử dụng cho mục đích khác. Ý kiến đánh giá của ông/bà chỉ được công bố trong kết quả tổng hợp, không công bố danh tính cá nhân.

Ông/ bà vui lòng tick vào chỗ trống (...) phù hợp hoặc tick vào các ô, mục tương ứng với các mức đánh giá là 5-Rất tốt; 4-Tốt; 3-Khá; 2-Trung bình; 1-Kém

Xin trân trọng cảm ơn!

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên:.....Nam.....Nữ.....
2. Tuổi:.....
3. Chức vụ:..... Trình độ chuyên môn
4. Lĩnh vực làm việc.....
5. Tên đơn vị làm việc:.....
6. Địa chỉ nơi làm việc:.....
7. Điện thoạiFax..... Email

B. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

Câu 1. Đánh giá của ông bà về sự cần thiết của pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung?

- Rất cần thiết
- Cần thiết
- Bình thường

Ít cần thiết

Không cần thiết

Câu 2. *Đánh giá của ông bà về thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các đối tượng được ưu đãi đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội?*

TT	Tiêu chí	Mức độ				
		5	4	3	2	1
1	Các lĩnh vực được ưu đãi đầu tư theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ					
2	Các dự án đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường					
3	Các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn					
4	Chính sách hỗ trợ đầu tư đối với cơ sở hạ tầng					

Câu 3. *Đánh giá của ông bà về hình thức ưu đãi đầu tư theo pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung?*

TT	Tiêu chí	Mức độ				
		5	4	3	2	1
1	Ưu đãi về áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp					
2	Ưu đãi miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện để thực hiện dự án đầu tư					
3	Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất					

Câu 4. Đánh giá của ông bà về thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung?

TT	Tiêu chí	Mức độ				
		5	4	3	2	1
1	Các lĩnh vực được ưu đãi đầu tư theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ					
2	Các dự án đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường					
3	Các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn					
4	Chính sách hỗ trợ đầu tư đối với cơ sở hạ tầng					

Câu 5. Đánh giá của ông bà về ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung?

TT	Tiêu chí	Mức độ				
		5	4	3	2	1
1	Xác định chính xác và rõ ràng các ngành nghề được ưu đãi đầu tư					
2	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi					
3	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn					

Câu 6. Đánh giá của ông bà về thủ tục áp dụng pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tập trung?

TT	Tiêu chí	Mức độ				
		5	4	3	2	1
1	Đối với các dự án có Giấy chứng nhận đầu tư vào tỉnh					
2	Đối với các dự án không có Giấy chứng nhận đầu tư vào tỉnh					
3	Thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư nhanh gọn, dễ dàng cho các nhà đầu tư					

4	Thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư được thực hiện công khai, minh bạch					
---	---	--	--	--	--	--

Câu 7. Ông bà biết đến các quy định pháp luật liên quan đến thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội qua cơ quan, phương tiện nào?

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Ông bà có kiến nghị gì để thành phố Hà Nội có thể thu hút đầu tư nhằm phát triển kinh tế - xã hội?

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Ông bà có kiến nghị gì để hoàn thiện pháp luật về ưu đãi vào các khu công nghiệp tập trung hiện nay?

.....

.....

.....

.....

(Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của ông bà)